

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300812161, đăng ký lần đầu ngày 7/7/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/9/2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số...*3.1*.../ GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày *09* tháng *6* năm 2016)

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tòa nhà Anna, số 10, Khu Công nghiệp phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 38 912 889

Fax: (08) 38 912 789

Website: www.siambrothersvn.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH: CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG

Trụ sở chính: Tầng 4A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi - 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 44555888

Fax: (08) 38271030

Website: www.maybank-kimeng.com.vn

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại Trụ sở Tổ chức phát hành (Tòa nhà Anna, số 10, Khu Công nghiệp phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh) và Trụ sở và các Chi nhánh Đại lý phát hành, sau 10 ngày kể từ ngày UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu.

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: VEERAPONG SAWATYANON

Số điện thoại: (08)38 912 889.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300812161, đăng ký lần đầu ngày 7/7/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/9/2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Giá chào bán: 33.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng số lượng chào bán: **4.200.000** cổ phần.

Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá): **42.000.000.000** đồng.

TỔ CHỨC TƯ VẤN và ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH:

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG

Địa chỉ: Tầng 4A, Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi - 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 44555888

Fax: (08) 38271030

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AASC - CHI NHÁNH TP. HCM

(Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013)

Địa chỉ: Số 17 Sông Thương, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 3848 5983

Fax: (08) 3547 1838

Website: www.aasc.com.vn

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG tại TP. HCM

(Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014)

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 38219266

Fax: (08) 38219267

Website: www.kpmg.com.vn

MỤC LỤC

PHẦN I	3
CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	3
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ	3
2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP	5
3. RỦI RO ĐẶC THÙ.....	5
4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN, CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	7
5. RỦI RO PHA LOÃNG	9
6. RỦI RO KHÁC	10
PHẦN II.....	11
NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI	11
NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	11
1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	11
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	11
PHẦN III.....	12
CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	12
PHẦN IV	13
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	13
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	13
2. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	14
3. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	15
4. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY.....	17
5. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN, DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỈ LỆ CỔ PHẦN NẪM GIỮ, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY CHỐT GẦN NHẤT TRÊN MỨC VỐN THỰC GÓP HIỆN TẠI.....	22
6. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	24
7. GIỚI THIỆU VỀ QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY	24
8. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	25
9. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 2 NĂM GẦN NHẤT VÀ LŨY KẾ ĐẾN QUÝ GẦN NHẤT	35
10. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH	38
11. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	41
12. CHÍNH SÁCH TRẢ CỔ TỨC.....	45
13. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	45

14. SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG	52
15. TÀI SẢN	65
16. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO	66
17. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC 68	
18. THỜI HẠN DỰ KIẾN ĐƯA CỔ PHIẾU VÀO GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CÓ TỔ CHỨC.....	68
19. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	68
20. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	68
PHẦN V.....	69
CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	69
PHẦN VI	75
MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	75
PHẦN VII	76
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	76
PHẦN VIII.....	78
CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	78
PHẦN IX	80
CÁC PHỤ LỤC	80
PHẦN IX: CHỮ KÝ CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN	81

PHẦN I

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam các nhà đầu tư cần quan tâm đến các yếu tố rủi ro. Nhà đầu tư cần xem xét cẩn trọng các yếu tố rủi ro và các yếu tố không chắc chắn được nêu dưới đây, cùng với các thông tin trong Bản cáo bạch, các thông tin trong các báo cáo tài chính và những thông tin liên quan khác trước khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty chúng tôi. Các rủi ro và các yếu tố không chắc chắn được nêu sau đây là những yếu tố mà Công ty chúng tôi phải đối mặt trong quá trình kinh doanh. Nếu bất kỳ yếu tố rủi ro nào xảy ra, sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Do đó, ảnh hưởng đến giá thị trường của cổ phiếu và ảnh hưởng đến kết quả của nhà đầu tư. Các yếu tố rủi ro chính gồm có:

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Tăng trưởng của nền kinh tế có ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Khi nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là một trong những tiêu chí quan trọng nhất phản ánh thực trạng nền kinh tế. Khi tốc độ tăng trưởng GDP cao, sức cầu của nền kinh tế tăng lên và ngược lại khi tốc độ tăng trưởng thấp sức cầu của nền kinh tế có chiều hướng giảm.

Tỉ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2006 – 2010 đạt bình quân gần 7%/năm, riêng trong năm 2006 và 2007 GDP tăng khá ấn tượng, trên 8%/năm. Tuy nhiên, do những bất ổn vĩ mô của nền kinh tế và do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tỉ lệ tăng trưởng GDP trong giai đoạn 2011 – 2013 có xu hướng giảm xuống, còn bình quân gần 5,4%/năm. Đến năm 2014, tỉ lệ tăng trưởng GDP có xu hướng phục hồi, đạt 5,98%, do các chính sách kinh tế vĩ mô đã có tác dụng và nền kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi. Số liệu về tỉ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2006 – 2015 được thể hiện trong Bảng dưới đây:

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015(*)
GDP (%)	8,17	8,44	6,23	5,32	6,78	5,89	5,03	5,42	5,98	6,68

Nguồn: Tổng Cục Thống kê.

(*): Ước tính.

Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB) dự báo tỉ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2015 khoảng 5,7% và Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo khoảng 6%. Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2015 khoảng 6,2% và đã được Quốc hội thông qua. Theo Báo cáo của Chính phủ, tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2015 đã đạt 6,68%. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2016 là 6,7%. Với dự kiến tăng trưởng GDP nêu trên, Chúng tôi

tin rằng sự tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng trong năm 2016 và thời gian tới có chiều hướng thuận lợi.

Bên cạnh GDP, lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô phản ánh thực trạng nền kinh tế. Lạm phát ảnh hưởng đến nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Lạm phát cao có xu hướng tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát cao trong giai đoạn 2008 - 2011 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế của Việt Nam. Lạm phát tăng cao đã trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ trong năm 2011 và 2012.

Các chính sách vĩ mô, đặc biệt là chính sách tài khóa và tiền tệ trong năm 2011, 2012 chủ yếu nhằm mục tiêu kiềm chế lạm phát. Từ năm 2012 đến 2014, chỉ số lạm phát đã giảm xuống mức một con số. Chỉ số lạm phát năm 2013 tăng 6,04% so với tháng 12/2012 và năm 2014 tăng 4,09% so với năm 2013. Đây là mức tăng thấp nhất trong vòng mười năm gần đây. Tuy nhiên, tác động của chính sách kiềm chế lạm phát đối với nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khá nặng nề trong thời gian vừa qua. Chính sách kiềm chế lạm phát làm giảm tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Biểu hiện rõ nét là tốc độ tăng trưởng GDP và sức cầu của nền kinh tế suy giảm. Số liệu về chỉ số lạm phát giai đoạn 2006 – 2015 như bảng dưới đây:

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tỷ lệ lạm phát (%)	6,6	8,3	22,9	6,52	11,75	18,13	9,21	6,04	4,09	0,63

Nguồn: Tổng Cục Thống kê.

Chính phủ Việt Nam dự báo tỷ lệ lạm phát năm 2016 trong khoảng 5%. Với các chính sách tiền tệ hiện tại của Ngân hàng Nhà nước, chúng tôi tin rằng mức lạm phát năm 2016 sẽ nằm trong tầm kiểm soát là 5% và sẽ tác động không nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Một yếu tố quan trọng khác ảnh hưởng đến hoạt động của nền kinh tế và hoạt động của doanh nghiệp đó là lãi suất. Đối với các doanh nghiệp, lãi suất cho vay là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh. Sự biến động về lãi suất cho vay trên thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh hay nói cách khác là tác động trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Số liệu về lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước trong giai đoạn 2006 – 2015 như sau:

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Lãi suất tái chiết khấu trung bình (%/năm)	4,5	4,5	10,0	6,0	6,2	10,7	10,0	6,0	4,5	4,5
Lãi suất tái cấp vốn trung bình (%/năm)	6	6	11,9	7,5	8,2	13	11,5	7,5	6,5	6,5

Nguồn: Website Ngân hàng Nhà nước và tính toán.

Trên cơ sở các lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống ngân hàng thương mại sẽ quyết định mức lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay. Trong trường hợp lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại thay đổi, sẽ làm cho chi phí vay nợ thay đổi. Từ đó sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và đến tổng thu nhập của Công ty. Với chính sách điều hành lãi suất hiện tại của Ngân hàng Nhà nước hiện tại, Công ty kỳ vọng lãi suất vay nợ sẽ không có nhiều biến động trong năm 2016. Mặt khác, Công ty luôn nỗ lực để duy trì mức nợ vay và chi phí tài chính hợp lý để hạn chế các tác động tiêu cực do biến động lãi suất và đảm bảo mục tiêu lợi nhuận kinh doanh của Công ty trong năm 2016 và các năm sắp tới.

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Công ty Chúng tôi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và có vốn đầu tư nước ngoài, do đó các hoạt động của Công ty chịu chi phối bởi các luật Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất nhập khẩu, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Bộ Luật Lao động,... Sau khi chào bán cổ phiếu ra công chúng trong đợt chào bán này, Công ty sẽ trở thành công ty đại chúng và sẽ chịu chi phối bởi các luật liên quan trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay đang thay đổi nhanh chóng và hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế. Sự thay đổi của luật pháp liên quan sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

Để hạn chế bớt các tác động tiêu cực do sự thay đổi của pháp luật, Chúng tôi luôn nỗ lực nghiên cứu luật pháp, đồng thời thuê các tổ chức, cá nhân có năng lực để tư vấn cho Công ty về các luật liên quan đến các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro về nguyên liệu

Nguyên liệu là yếu tố chiếm tỉ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm của Công ty nên những biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng quan trọng đến kết quả kinh doanh. Nguyên vật liệu chính trong quá trình sản xuất là hạt nhựa PP và hạt nhựa PE. Hạt nhựa PP được mua từ trong nước và hạt nhựa PE được nhập khẩu. Rủi ro do những thay đổi trong nguồn cung cấp nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của Công ty, cụ thể là ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất, chất lượng sản phẩm,...

Một yếu tố quan trọng khác liên quan đến nguyên liệu đầu vào là giá cả. Khi giá cả nguyên liệu đầu vào tăng sẽ làm tăng giá thành sản phẩm và ngược lại. Giá thành sản phẩm tăng sẽ tác động tiêu cực đến hoạt động bán hàng, đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giá cả nguyên liệu hạt nhựa PE và PP không chỉ phụ thuộc rất nhiều vào mức cung - cầu hạt nhựa trên thị trường mà còn phụ thuộc vào giá dầu thô trên thị trường quốc tế. Nói chung, khi giá dầu thô tăng, giá hạt nhựa sẽ tăng theo và ngược lại.

Để hạn chế bớt rủi ro về nguồn nguyên liệu, Công ty đã tìm kiếm và thiết lập quan hệ kinh doanh với các nhà cung cấp có uy tín, hoạt động kinh doanh ổn định. Công ty đánh giá những rủi ro về nhà cung cấp là không đáng kể.

Đối với các biến động về giá nguyên liệu, Công ty luôn nỗ lực dự báo để có các kế hoạch dự trữ nguyên liệu thích hợp nhằm hạn chế rủi ro biến động giá. Tuy nhiên, do giá cả dầu thô trên thị trường quốc tế chịu tác động rất lớn của các yếu tố kinh tế, chính trị thế giới nên khó có thể dự đoán chính xác. Do đó, ảnh hưởng của biến động giá nguyên liệu đầu vào đối với hoạt động kinh doanh của Công ty là không tránh khỏi. Nếu không có những biến động bất thường, Chúng tôi cho rằng giá nguyên liệu hạt nhựa PE và PP sẽ không biến động nhiều trong cuối năm 2015 và sẽ không gây nhiều biến động trong kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro tỉ giá hối đoái

Đặc thù của Công ty là phần lớn nguyên liệu được nhập khẩu và thanh toán bằng ngoại tệ (USD) trong khi sản phẩm được tiêu thụ chủ yếu tại thị trường nội địa và được thanh toán bằng tiền Đồng (VND). Do đó, khi tỉ giá thay đổi sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Trong giai đoạn 2012-2013, tỉ giá VND/USD khá ổn định. Tỷ giá bình quân liên ngân hàng được giữ cố định ở mức 20.828 VND/USD trong suốt một thời gian dài (từ đầu năm 2012 đến cuối tháng 6/2013) trước khi được điều chỉnh nhẹ lên 21.036 VND/USD. Biên độ giao dịch giữ nguyên ở mức 1% từ đầu tháng 2/2011. Sự ổn định của tỷ giá trong giai đoạn 2012-2013 chủ yếu là do nền kinh tế khó khăn, từ đó làm giảm đáng kể nhu cầu nhập khẩu và thâm hụt thương mại so với các năm trước đó. Thêm vào đó, nguồn cung ngoại tệ vẫn khá dồi dào do các dự án đầu tư nước ngoài giải ngân và kiều hối ổn định (theo Báo cáo kinh tế vĩ mô năm 2014 của Ủy Ban Kinh tế Quốc hội). Cũng theo Báo cáo này, cơ chế điều hành tỉ giá hiện tại có ba rủi ro chính sau: Rủi ro bất ổn từ việc giữ tỷ giá ổn định trong thời gian dài, kiểm soát lạm phát phụ thuộc vào hiệu quả biện pháp trung hòa đồng thời ba mục tiêu (i) ổn định tỷ giá; (ii) tự do hóa tài khoản vốn; và (iii) chính sách tiền tệ độc lập, điều hành tỷ giá ít có tác động đến cán cân thương mại. Chính sách tỉ giá hiện tại được neo cố định theo USD trong thời gian dài sẽ tạo rủi ro bất ổn tỉ giá khi nhu cầu nhập khẩu tăng cao trở lại.

Tỉ giá VND/USD đang có xu hướng tăng trong thời gian gần đây. Cụ thể, tại thời điểm cuối tháng 6/2015, tỉ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố đã tăng lên mức 21.673 VND/USD, tăng 2% so với thời điểm cuối tháng 12/2014 (21.246 VND/USD). Theo Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm 2015, tỉ giá ngoại tệ đã tăng hết biên độ 2% của năm 2015. Tỉ giá đô la Mỹ tháng 6 năm 2015 đã tăng 2,65% so với cùng kỳ năm 2014.

Giữa tháng 8/2015, Trung Quốc đã phá giá Đồng Nhân dân Tệ với tỉ lệ 4,7% đã dẫn đến việc điều chỉnh tỉ giá mạnh mẽ của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Để ứng phó với việc điều chỉnh tỉ giá của Trung Quốc, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh tăng tỉ giá bình quân liên ngân hàng giữa VND và USD lên 1%, tức tăng từ mức 21.673 lên mức 21.890 VND/USD. Đồng thời, nới rộng biên độ tỉ giá VND/USD từ +/-1% lên +/-2% rồi +/-3%. Với sự điều chỉnh tỉ giá và biên độ của Ngân hàng Nhà nước, tỉ giá giữa VND và USD

trên thị trường đã tăng gần hết biên độ +3%. Tỷ giá giữa VND và USD tăng lên đã tác động tiêu cực cho các công ty nhập khẩu vì phải mua ngoại tệ với giá cao hơn.

Đầu năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã áp dụng chính sách điều hành tỷ giá mới. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước sẽ công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày. Sự biến động của tỷ giá trong thời gian tới rất khó dự đoán chính sách thay đổi tỷ giá của các nước. Trong trường hợp các nước tiếp tục điều chỉnh tỷ giá mạnh mẽ trong thời gian tới, tỷ giá VND/USD có thể sẽ tăng lên thêm. Trong trường hợp tỷ giá hối đoái VND/USD biến động ngoài dự kiến, kết quả kinh doanh của Công ty sẽ bị ảnh hưởng. Để hạn chế ảnh hưởng của sự biến động tỷ giá hối đoái, Công ty luôn nỗ lực trong việc dự báo để có các chính sách dự trữ nguyên vật liệu cũng như xây dựng giá bán sản phẩm hợp lý.

Các Rủi ro đặc thù khác

Các rủi ro đặc thù khác liên quan đến hoạt động của Công ty gồm có:

- Rủi ro ngư trường đánh bắt: Các liên quan đến tranh chấp của các nước trong vùng Biển Đông;
- Rủi ro môi trường: Các quy định liên quan đến bảo vệ nguồn lợi thủy, hải sản;
- Rủi ro thiên nhiên: Liên quan đến mưa, bão làm ảnh hưởng đến việc đánh bắt thủy, hải sản của ngư dân;
- Rủi ro về công nghệ đánh bắt,...

Các thay đổi liên quan đến các yếu tố nêu trên sẽ ảnh hưởng đến quá trình đầu tư, mua sắm ngư cụ của ngư dân và do đó sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN, CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Rủi ro của đợt chào bán

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 đã có bước thay đổi tích cực. Khối lượng và giá trị cổ phiếu giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM (HoSE) đã có xu hướng tăng lên từ đầu năm 2015 đến nay. Đến thời điểm tháng 12/2015, khối lượng cổ phiếu giao dịch đã tăng 14,35% và giá trị giao dịch tăng 13,83% so với tháng 1/2015. Khối lượng cổ phiếu giao dịch trung bình đạt 2.344 triệu cổ phiếu/tháng và giá trị giao dịch trung bình đạt 40.171 tỉ đồng/tháng.

Số lượng và giá trị cổ phiếu giao dịch tại HoSE từ Tháng 1/2015 đến Tháng 12/2015 như sau:

Tháng	Khớp lệnh		Thỏa thuận		Tổng cộng	
	Khối lượng (triệu cổ phiếu)	Giá trị (tỉ đồng)	Khối lượng (triệu cổ phiếu)	Giá trị (tỉ đồng)	Khối lượng (triệu cổ phiếu)	Giá trị (tỉ đồng)
Tháng 12/2015	2.102	33.484	446	9.890	2.548	43.374

Tháng 11/2015	2.568	41.170	220	6.858	2.788	48.028
Tháng 10/2015	2.302	39.860	313	6.165	2.615	46.025
Tháng 9/2015	1.703	27.660	259	5.768	1.961	33.428
Tháng 8/2015	2.374	40.908	178	4.774	2.552	45.682
Tháng 7/2015	2.910	51.678	287	5.865	3.197	57.544
Tháng 6/2015	2.102	33.484	446	9.890	2.548	43.374
Tháng 5/2015	1,953	27,483	132	4,095	2,085	31,577
Tháng 4/2015	1,480	24,037	172	5,044	1,651	29,081
Tháng 3/2015	2,041	34,241	177	5,270	2,218	39,512
Tháng 2/2015	1,044	17,049	91	2,119	1,135	19,168
Tháng 1/2015	1,969	32,094	259	6,011	2,228	38,105

Nguồn: Website Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

Với tình hình thị trường chứng khoán hiện tại và tình hình kinh doanh của Công ty tăng trưởng tốt, Chúng tôi kỳ vọng đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng sẽ thành công. Tuy nhiên, do có sự khác biệt giữa thời điểm thực hiện hồ sơ đăng ký và thời điểm chào bán cổ phiếu nên có thể có những thay đổi tác động đến việc mua cổ phiếu của nhà đầu tư. Những thay đổi bao gồm: biến động của thị trường chứng khoán, ảnh hưởng của việc chào bán chứng khoán từ các doanh nghiệp khác trong cùng thời gian,... sẽ ảnh hưởng đến việc chào bán cổ phiếu của Công ty.

Theo quy định của pháp luật, Công ty được phép thực hiện phân phối chứng khoán trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng. Trong trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ đề nghị UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán trong trường hợp cần thiết.

Đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra rủi ro cổ phiếu phát hành không được nhà đầu tư đăng ký mua hết. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác với giá chào bán phù hợp tại thời điểm chào bán. Đồng thời, Hội đồng quản trị sẽ chủ động tìm kiếm thêm nguồn tài trợ khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ cho kế hoạch kinh doanh của Công ty trong trường hợp không chào bán hết cổ phiếu.

Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Công ty chào bán cổ phiếu để huy động thêm vốn cho nhu cầu phát triển kinh doanh. Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền này để đầu tư xây thêm nhà xưởng, mua thiết bị và bổ sung nguồn vốn lưu động. Nguồn vốn huy động từ đợt chào bán cổ phần được sử dụng cho các hoạt động kinh doanh hiện hữu của Công ty. Việc đầu tư này sẽ giúp cho Công ty tăng sản lượng nhằm đáp ứng nhu cầu đang tăng trưởng, từ đó duy trì vị trí dẫn đầu của Công ty. Dự án đầu tư đã được Công ty nghiên cứu kỹ và sẽ được thực hiện một cách thận trọng. Đây là các hoạt động Công ty đã có nhiều kinh nghiệm và quá trình triển khai được thực hiện thận trọng cũng như được kiểm soát chặt chẽ. Do đó, theo nhận định của Chúng tôi, rủi ro liên quan đến quá trình sử dụng vốn huy động là không đáng kể.

5. RỦI RO PHA LOÃNG

Rủi ro pha loãng thu nhập trên cổ phần

Rủi ro pha loãng thu nhập trên cổ phần liên quan đến việc Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần. Sau khi phát hành thêm cổ phần, số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ tăng thêm và do đó sẽ làm thay đổi mức thu nhập trên cổ phần so với trường hợp không phát hành thêm cổ phần.

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty: 16.340.000 cổ phần.

Tổng số cổ phần dự kiến phát hành thêm: 4.200.000 cổ phần.

Tổng số cổ phần dự kiến sau khi phát hành: 20.540.000 cổ phần.

$$\text{Thu nhập trên cổ phần} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Số cổ phần lưu hành trong kỳ}}$$

Theo kế hoạch kinh doanh năm 2016, lợi nhuận sau thuế dự kiến là 90 tỉ đồng. Thu nhập trên cổ phần của Công ty năm 2016 được dự kiến như sau:

Trường hợp Công ty không phát hành thêm cổ phần:

$$\text{Thu nhập cơ bản trên cổ phần} = \frac{90.000.000.000 \text{ đồng}}{16.340.000 \text{ cổ phần}} = 5.508 \text{ đồng/cổ phần.}$$

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần:

$$\text{Thu nhập cơ bản trên cổ phần lưu hành bình quân} = \frac{90.000.000.000 \text{ đồng}}{20.540.000 \text{ cổ phiếu}} = 4.382 \text{ đồng/cổ phần}$$

Sau khi phát hành thêm cổ phần, thu nhập trên cổ phần dự kiến năm 2016 sẽ giảm 1.126 đồng (-20,45%) so với trường hợp không phát hành thêm cổ phần.

Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách của cổ phần

Công thức tính toán giá trị sổ sách của cổ phần như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành - cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm 31/12/2015, giá trị sổ sách của cổ phần theo Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty là 13.824 đồng/cổ phiếu. Sau khi phát hành thêm cổ phần, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (với giả định không có sự thay đổi cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách của cổ phần sẽ giảm và ngược lại.

Đơn vị: Đồng

	Trường hợp không phát hành thêm cổ phần	Trường hợp phát hành thêm cổ phần	
Giá phát hành (đồng/cổ phần)		27.000	33.000
Vốn Chủ sở hữu cuối năm 2015	225.046.612.056		
Số cổ phần lưu hành cuối năm 2015	16.340.000		
Số cổ phiếu quỹ	60.000		
Tiền chi trả cổ tức năm 2015 (2.500đ/cp)	40.700.000.000		
Lợi nhuận dự kiến năm 2016	90.000.000.000		
Vốn Chủ sở hữu dự kiến cuối năm 2016	274.346.612.056	384.911.612.056	409.481.612.056
Số cổ phần phát hành thêm		4.200.000	4.200.000
Số cổ phần sau khi phát hành	16.340.000	20.540.000	20.540.000
Số tiền thu được dự kiến (đã trừ chi phí phát hành)		110.565.000.000	135.135.000.000
Giá trị sổ sách của cổ phần (đồng/cổ phần)	16.852	18.795	19.994
Thay đổi so với trường hợp không phát hành (đồng/cổ phần)		1.943	3.142

Sau khi phát hành thêm cổ phần, giá trị sổ sách trên cổ phần dự kiến năm 2016 sẽ tăng thêm từ 1.943 đồng (+11,53%, nếu giá chào bán là 27.000 đồng/cổ phần) đến 3.142 đồng/cổ phần (+18,64%, nếu giá chào bán là 33.000 đồng/cổ phần) so với trường hợp không phát hành thêm cổ phần.

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu do điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty chưa niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán nên không bị điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu khi phát hành thêm cổ phần. Tuy nhiên, các nhà đầu tư cần lưu ý rằng giá thị trường cổ phiếu sẽ bị pha loãng do kết quả của việc pha loãng thu nhập trên cổ phần sau khi Công ty phát hành thêm cổ phiếu mới.

Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho tất cả cổ đông và nhà đầu tư công chúng có nhu cầu đầu tư vào Công ty. Do đó, trong trường hợp cổ đông hiện hữu không mua thêm cổ phần, tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ giảm tương ứng với số cổ phần phát hành thêm trên tổng số cổ phần (tương đương 20,45%).

6. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai (bão, lũ, động đất,...) dịch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty. Khả năng xảy ra những rủi ro này thấp nhưng thường gây thiệt hại lớn. Công ty luôn quan tâm và có các biện pháp để phòng tránh cũng như giảm thiểu thiệt hại khi có rủi ro.

PHẦN II
NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI
NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ông:	Veerapong Sawatyanon	Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông:	Fan Weng Kee	Chức vụ:	Tổng Giám Đốc
Bà:	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Chức vụ:	Kế toán Trưởng
Ông:	Nguyễn Trần Quỳnh	Chức vụ:	Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Ông Kim Thiên Quang

Chức vụ: Tổng Giám Đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty.

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần ra công chúng của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam do Công ty TNHH MTV Chứng Khoán Maybank Kim Eng tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam cung cấp.

PHẦN III

CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- BCTC: Báo cáo tài chính
- BKS: Ban kiểm soát
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- MBKE: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng
- Siam Brothers VN/SBVN: Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
- Sở GDCK HCM/HSX/HoSE: Sở Giao Dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
- Sở KH&ĐT: Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Thuế TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- TNHH MTV: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- TSCĐ: Tài sản cố định
- UBCKNN: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- UBND: Ủy ban nhân dân

PHẦN IV

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển:

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Siam Brothers Việt Nam, được thành lập năm 1995 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 1321/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cấp ngày 18 tháng 07 năm 1995, với 100% vốn đầu tư của Công ty Siam Brothers Group – Thái Lan. Siam Brothers Group là nhà sản xuất hàng đầu về ngư lưới cụ tại Thái Lan, với gần 50 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất dây thừng, lưới đánh cá phục vụ cho ngành đánh bắt thủy, hải sản, vận tải biển, xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp,...

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã đạt được những kết quả khả quan. Sản phẩm của Công ty được khách đánh giá cao và ngày càng ưa chuộng. Công ty có ba nhà máy với tổng công suất trên 10.000 tấn sản phẩm một năm, được trang bị hệ thống dây chuyền sản xuất với công nghệ hiện đại nhất được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật Bản, Ấn Độ và Thái Lan. Hiện nay, Công ty là nhà sản xuất và cung cấp dây thừng đánh bắt cá hàng đầu tại Việt Nam.

Quá trình phát triển của Công ty gồm các cột mốc chính sau đây:

- Tháng 7 năm 1995: Nhận Giấy Chứng nhận đầu tư thành lập Công ty.
- Tháng 7 năm 1995: Nhà máy Số 1 đi vào hoạt động.
- Năm 2008: Nhà máy Số 2 đi vào hoạt động.
Hoàn thành thủ tục sở hữu 41.506,21 m² đất xây dựng Nhà máy Số 3.
- Tháng 9/2009: Chuyển đổi Công ty từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần.
Các cổ đông góp vốn để tăng vốn điều lệ từ 33,6 tỉ đồng lên 80 tỉ đồng.
- Tháng 6/2013: Nhà máy Số 3 đi vào hoạt động.
Công ty tăng vốn điều lệ từ 80 tỉ đồng lên 122,7 tỉ đồng.
- Năm 2014: Tăng Vốn điều lệ từ 122,7 tỉ đồng lên 163,4 tỉ đồng.

1.2. Định hướng phát triển:

Công ty định hướng và phấn đấu để trở thành nhà sản xuất và cung cấp các sản phẩm với chất lượng tốt nhất, phục vụ cho ngành nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, vận tải biển, công nghiệp và nông nghiệp hàng đầu tại Đông Nam Á.

2. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

2.1. Thông tin chung

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh:SIAM BROTHERS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại:(08) 38 912 889 Fax: (08) 38 912 789
- Website:www.siambrothersvn.com
- Mã số thuế:0300812161
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:0300812161.
- Logo:



2.2. Vốn và nguồn vốn hoạt động:

Tình hình vốn và nguồn vốn hoạt động của Công ty đến thời điểm 31/12/2015 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Vốn điều lệ	122.700	163.400	163.400
Vốn chủ sở hữu	187.385	208.242	221.392
Tài sản ngắn hạn	214.616	207.288	285.591
Tài sản dài hạn	159.422	177.736	164.882
Tổng tài sản	374.038	385.024	450.473

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán.

2.3. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 1321/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cấp ngày 18 tháng 07 năm 1995. Đến tháng 7 năm 2008, Công ty đã thực hiện đăng ký lại doanh nghiệp theo các quy định của Luật Đầu tư năm 2005 và Luật Doanh nghiệp năm 2005. Công ty đã được UBND TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy

Chứng nhận đầu tư lần đầu số 411023000182 ngày 7/7/2008. Đến tháng 9/2009, Công ty đã thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty TNHH sang mô hình công ty cổ phần. Công ty đã được UBND TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 411033000030 ngày 9/8/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 0300812161 ngày 18 tháng 9 năm 2015.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại dây thừng bện bằng sợi PP, PE để dùng trong lĩnh vực nông nghiệp và ngư nghiệp. Chi tiết ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đầu tư như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất các loại dây PP, dây PE, dây thừng bện dùng trong nông, ngư nghiệp.	1324
2	Sản xuất các phụ kiện, trang cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp.	2220
3	Sản xuất và phát triển phần mềm máy tính.	6201
4	Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các sản phẩm có mã HS (theo quy định của Biểu Thuế Xuất khẩu – Nhập khẩu) như sau: các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực ngư nghiệp: 5608, 5607, 8539, 8421, 8418, 3916, 3926, 3208; các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp: 8432, 8433, 8434, 8436, 5803.	4699

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Công ty được tổ chức và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Theo Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02 tháng 09 năm 2014, Công ty có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai chi nhánh và ba nhà máy. Cơ cấu tổ chức của Công ty được thể hiện như sau:



Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 38 912 889 Fax: (08) 38 912 789

Chi nhánh 1:

Địa chỉ: Lô A201 – A202, đường C Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Đức Hòa 3, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Điện thoại:(072) 3759 012 Fax:(072) 3759 015

Chi nhánh 2:

Địa chỉ: Lô B131, đường số 7, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Điện thoại:(072) 3759 909 Fax: (072) 3759 909

Các Nhà máy:**▪ Nhà máy Số 1:**

Địa chỉ: 87/1 Quốc lộ 1A, P. Tân Thới Hiệp, Q.12, TP. Hồ Chí Minh.

Nhà máy Số 1 hoạt động từ năm 1996, chuyên cung cấp các sản phẩm như sợi đơn, dây keo, chỉ lưới, dây bô, dây bính với công suất bình quân đạt 5.000 tấn/năm.

▪ Nhà máy Số 2:

Địa chỉ: Lô A 201-202C, Khu Công Nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Nhà máy Số 2 hoạt động từ năm 2009, chuyên cung cấp các sản phẩm như dây bính 8 tao, dây bính 4 tao với công suất bình quân đạt 2.000 tấn/năm.

▪ Nhà máy Số 3:

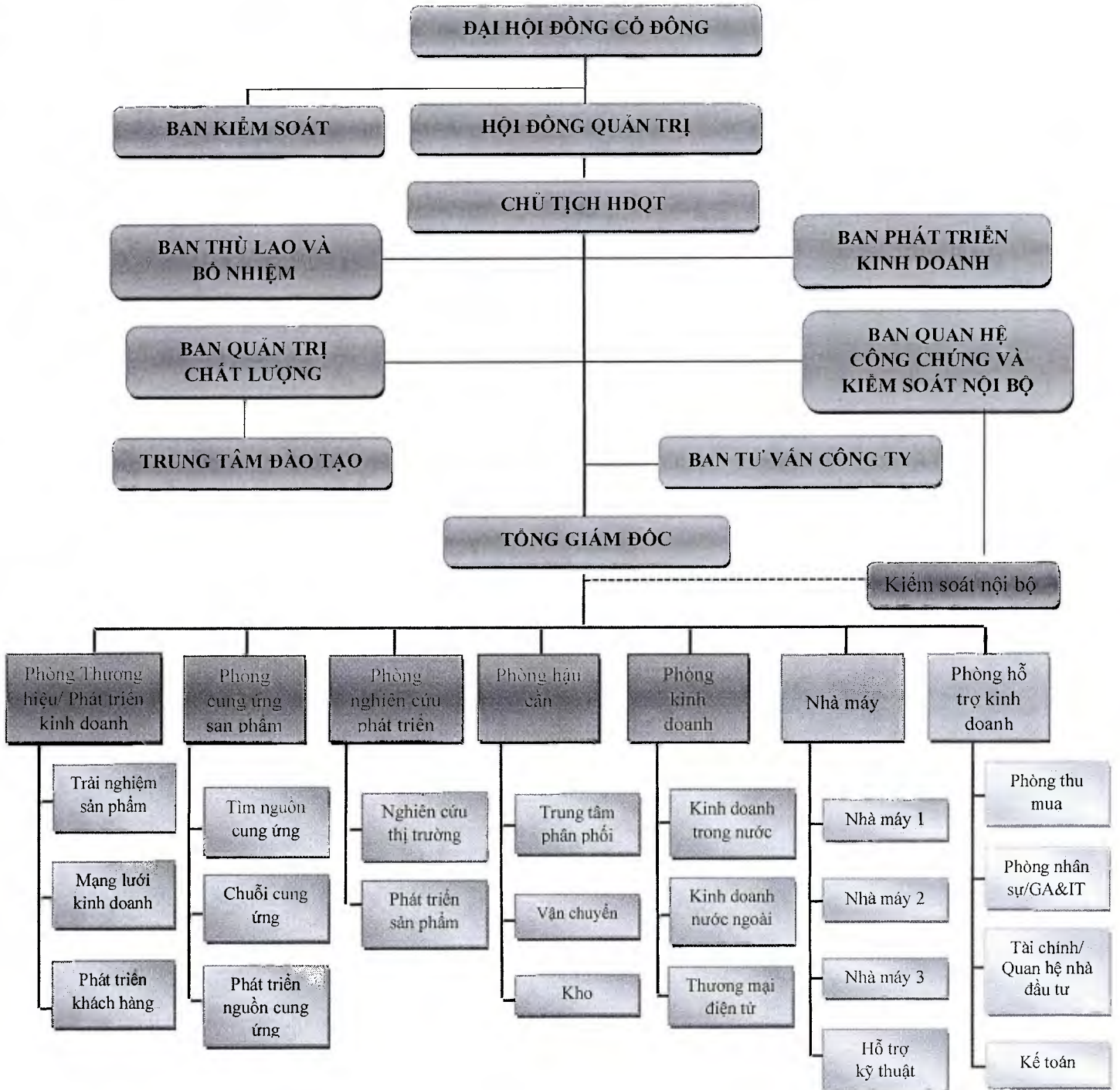
Địa chỉ: Lô E-Đường số 7,Khu Công Nghiệp Thái Hòa,XãĐức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Nhà máy Số 3 hoạt động từ cuối tháng 5/2013, chuyên cung cấp các sản phẩm như dây bính 8 tao, dây bính 4 tao với công suất dự kiến giai đoạn 1 đạt khoảng 3.000 tấn/năm.

4. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

4.1. Sơ đồ tổ chức Công ty

Công ty được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty Cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan. Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình dưới đây:



4.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức của Công ty

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông của Công ty, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp Hội Đồng Quản trị có quyết định khác và được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. ĐHĐCĐ sẽ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ bầu, là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay có 06 thành viên, gồm một Chủ tịch, một Phó Chủ tịch và bốn thành viên.

Để hỗ trợ cho Hội Đồng Quản Trị, có 4 Ủy Ban như sau:

Ban Thù lao và bổ nhiệm:

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là Ủy ban trực thuộc HĐQT, có chức năng tư vấn và tham mưu cho HĐQT trong việc hoạch định, thúc đẩy và đánh giá việc thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực Công ty. Các ủy viên của Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm do HĐQT bổ nhiệm có thời hạn phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.

Ban Phát Triển Kinh Doanh:

Ủy Ban Phát Triển Kinh Doanh là Ủy ban trực thuộc HĐQT, thường bao gồm một số thành viên của Hội Đồng Quản Trị và chịu trách nhiệm hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị lập kế hoạch chiến lược kinh doanh, đánh giá mục tiêu, chiến lược và kế hoạch hành động. Các ủy viên của Ủy ban Phát Triển Kinh Doanh do HĐQT bổ nhiệm có thời hạn phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.

Ban Quản Trị Chất Lượng:

Ủy ban Quản Trị Chất Lượng là Ủy ban trực thuộc HĐQT, có chức năng tư vấn cấu trúc tổ chức, thủ tục, quy trình và các nguồn lực cần thiết cho việc quản lý kiểm soát chất lượng của Công ty. Các ủy viên của Ủy ban Quản Trị Chất Lượng do HĐQT bổ nhiệm có thời hạn phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.

Ban Quan hệ công chúng và kiểm soát nội bộ:

Ủy ban kiểm soát nội bộ là Ủy ban trực thuộc HĐQT, có chức năng tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc đảm bảo có được một hệ thống hiệu quả về kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tính trung thực của các báo

cáo tài chính liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trước khi trình HĐQT,...

Ủy ban Quan hệ công chúng là Ủy ban trực thuộc HĐQT, chịu trách nhiệm chủ động quản lý các quan hệ giao tiếp cộng đồng, bao gồm các việc quảng bá thành công, công bố các thay đổi, và nhiều hoạt động khác... để tạo dựng và gìn giữ hình ảnh tích cực của Công ty. Các ủy viên của Ủy ban Quan hệ công chúng và Kiểm soát nội bộ do HĐQT bổ nhiệm có thời hạn phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm ba (03) thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ năm (05) năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát của Công ty hiện có ba thành viên, gồm một Trưởng ban và hai thành viên.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Giám đốc của Công ty hiện tại có ba thành viên, gồm một Tổng Giám Đốc, một Giám đốc kinh doanh, một Giám đốc sản xuất.

CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ:

Các phòng, ban trực tiếp điều hành công việc của Công ty theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc. Hiện tại, Công ty có các phòng, ban được thiết lập với các chức năng như sau:

Phòng kinh doanh:

- Tham mưu cho Ban Giám Đốc trong công tác hoạch định kế hoạch kinh doanh bao gồm: nội địa và xuất khẩu đáp ứng nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh và triển khai kế hoạch kinh doanh nhằm đảm bảo đạt các chỉ tiêu, mục tiêu kế hoạch của Công ty hàng tháng, hàng quý và hàng năm.
- Cập nhật thông tin giá cả thị trường, tham mưu đề xuất chính sách bán hàng, giá, khuyến mãi, chiết khấu, chương trình quảng bá, cách thức tiếp cận khách hàng cho Ban Giám Đốc/ Ban Tổng Giám Đốc ra quyết định nhanh chóng và phù hợp.
- Định kỳ theo dõi việc triển khai kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý, năm nhằm đảm bảo các chỉ tiêu đề ra.

- Phân tích đánh giá kết quả việc thực hiện kế hoạch kinh doanh theo tháng, quý, năm và trên cơ sở đó tìm ra nguyên nhân khắc phục nhược điểm, phát huy ưu điểm.
- Thu thập và quản lý thông tin hồ sơ khách hàng phục vụ cho việc đánh giá xếp hạng thâm định khách hàng.
- Xây dựng phát triển mạng lưới kênh phân phối đại lý cửa hàng và đội ngũ nhân viên bán hàng và giám sát kinh doanh khu vực.
- Mở rộng và tìm kiếm các thị trường xuất khẩu tiềm năng, chăm sóc các kênh phân phối, các đại lý và các cửa hàng tạo quan hệ thân thiện với khách hàng.

Phòng Tài chính kế toán:

- Chịu trách nhiệm về hạch toán kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ theo đúng quy định của Nhà nước.
- Thực hiện nhiệm vụ thu – chi, kiểm tra các hồ sơ chứng từ liên quan đến việc thanh toán trong toàn Công ty nhằm đảm bảo đầy đủ, hợp lý, chính xác và kịp tiến độ.
- Tập hợp và phân tích chi phí sản xuất để tính giá thành từng loại sản phẩm cho Công ty và các chi nhánh.
- Theo dõi đối chiếu công nợ và phối hợp các phòng ban có liên quan để giải quyết công nợ kịp thời.
- Chủ động phối hợp với các phòng ban liên quan để thực hiện hoạt động kế toán một cách chính xác và đầy đủ kịp thời nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kế toán.

Phòng Tổ chức Hành chính – Nhân sự:

- Hoạch định nguồn nhân lực: tham mưu, đề xuất xây dựng mô hình tổ chức cơ chế hoạt động để định biên và bố trí nhân sự tối ưu nhằm thu hút duy trì phát triển nguồn nhân lực đảm bảo mục tiêu phát triển của Công ty.
- Hoạch định triển khai chính sách quản trị nhân sự, phân tích tổng hợp các nguồn thông tin từ thị trường lao động và tình hình thực tế của Công ty nhằm đề xuất xây dựng triển khai các chính sách quản trị nhân sự phù hợp.
- Xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc, năng lực cá nhân và tập thể để phát hiện nuôi dưỡng và phát triển các giá trị của mỗi cá nhân và tập thể Công ty.
- Đảm bảo cơ sở hạ tầng, không gian làm việc và các trang thiết bị công cụ dụng cụ, phục vụ cho nhân viên và các hoạt động có liên quan.
- Theo dõi chấm công tính lương, thưởng định kỳ và đột xuất, đảm bảo tính chính xác, công bằng và khách quan.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp thân thiện và năng động cho cán bộ công nhân viên của Công ty.



Phòng mua hàng

- Tham mưu cho Ban Giám Đốc trong công tác hoạch định kế hoạch mua hàng bao gồm: nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị, dịch vụ đáp ứng nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đảm bảo việc mua hàng đúng tiến độ, cung ứng đủ số lượng, chất lượng, giá cả hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tối ưu nhất.
- Cung cấp thông tin kinh tế, giá cả thị trường liên quan đến hoạt động mua hàng làm cơ sở cho Ban Giám Đốc ra quyết định nhanh chóng và phù hợp.
- Đảm bảo nhà cung cấp nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị, dịch vụ không bị gián đoạn.

Phòng hậu cần

- Tham mưu cho Ban Giám Đốc trong công tác hoạch định kế hoạch logistic bao gồm: làm thủ tục xuất - nhập khẩu, điều phối vận chuyển hàng hóa đáp ứng nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đảm bảo việc giao nhận hàng hóa đầy đủ kịp thời, giá cả hợp lý và không bị suy giảm chất lượng trong quá trình vận chuyển.
- Cung cấp thông tin kinh tế, thuế suất thuế xuất - nhập khẩu, giá cả thị trường liên quan đến hoạt động logistic, làm cơ sở cho Ban Giám Đốc ra quyết định nhanh chóng và phù hợp.
- Đảm bảo việc cung cấp dịch vụ logistic không bị gián đoạn.

Khởi Nhà máy sản xuất

- Tham mưu cho Ban Giám Đốc trong lĩnh vực hoạt động sản xuất của Công ty.
- Khởi sản xuất là bộ phận trực thuộc Công ty và giúp Ban Giám Đốc trong lĩnh vực hoạt động sản xuất của Công ty.
- Khởi sản xuất hoạt động chủ động theo chủ trương, chính sách và chiến lược của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tổng Giám Đốc.
- Lập, triển khai và theo dõi kế hoạch sản xuất nhằm đáp ứng đúng tiến độ giao hàng
- Phối hợp với các phòng ban liên quan để đảm bảo máy móc thiết bị luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty
- Đào tạo huấn luyện và phát triển nhân viên trong khởi sản xuất
- Lập kế hoạch và đề xuất vật tư trang thiết bị đảm bảo phục vụ cho nhu cầu sản xuất
- Đảm bảo nguyên vật liệu, trang thiết bị máy móc được sử dụng hợp lý
- Thống kê phân tích và báo cáo tình hình sản xuất, đề xuất cải tiến quy trình sản xuất.
- Đảm bảo máy móc thiết bị và con người luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sản xuất.

- Triển khai các hoạt động TPM (5S, KAIZEN, LEAN, An toàn lao động,...)
- Phối hợp các phòng ban liên quan để nghiên cứu, khắc phục và đưa ra các biện pháp phòng ngừa đối với các sự cố liên quan đến chất lượng, máy móc, dây chuyền sản xuất, nhà xưởng và an toàn lao động.

5. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN, DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỈ LỆ CỔ PHẦN NẴM GIỮ, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY CHÓT GÀN NHẤT TRÊN MỨC VỐN THỰC GÓP HIỆN TẠI

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty:

Tại thời điểm hiện tại, Công ty có một cổ đông lớn, sở hữu 82,17% vốn cổ phần của Công ty. Thông tin về cổ đông lớn như sau:

STT	Tên cổ đông	CMND/Hộ chiếu/CNĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thông Minh	502032000078	Lô A117, KCN Thái Hoà, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	13.427.182	82,17%
Tổng cộng				13.427.183	82,17%

Nguồn: SBVN.

5.2. Danh sách người có liên quan với cổ đông lớn

Tại thời điểm hiện tại, có hai người có liên quan đến cổ đông lớn của Công ty. Thông tin về người có liên quan đến cổ đông lớn như sau:

STT	Tên cổ đông	Mối quan hệ với các cổ đông lớn	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần Đầu Tư Thông Minh	Chủ tịch HĐQT, Đại diện theo pháp luật	800.000	4,896%
2	Ông Itthapat Sawatyanon	Thành viên của Công ty Cổ phần Đầu Tư Thông Minh	Thành viên HĐQT	800.000	4,896%
Tổng cộng				1.600.000	9,79%

Nguồn: SBVN.

5.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty được thành lập ngày 18/07/1995. Đến tháng 9/2009, Công ty chuyển đổi sang hình thức cổ phần. Các cổ đông sáng lập của Công ty gồm có:

STT	Tên cổ đông	CMND/Hộ chiếu/CNĐK KD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu ban đầu	Số cổ phần sở hữu hiện tại	Tỷ lệ sở hữu hiện tại (%)
1	Cổ Phần Đầu Tư Thông Minh	502032000078	Lô A117, KCN Thái Hoà, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	6.713.558	13.427.182	82,17%
2	Ông VEERAPONG SAWATYANON	V80986	87/1, Quốc lộ 1 A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM	533.400	800.000	4,896%
3	Ông ITTHAPAT SAWATYANON	L852278	87/1, Quốc lộ 1 A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM	533.400	800.000	4,896%
4	Ông PRATIP SAWATYANON	X705063	87/1, Quốc lộ 1 A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM	219.642	439.284	2,688%
Tổng cộng				8.000.000	15.466.466	94,65%

Nguồn: SBVN.

Đến thời điểm hiện tại, các cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5.4. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm hiện tại, Công ty có 27 cổ đông, với cơ cấu sở hữu cổ phần như sau:

Nội dung	Số lượng cổ đông cổ đông	Số lượng cổ phần cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông trong nước	24	8.274.982	87,15%
Tổ chức	2	13.477.182	82,48%
Cá nhân	22	763.534	04,67%
Cổ đông nước ngoài	3	8.005.018	12,49%
Tổ chức	0	0	0%
Cá nhân	3	2.039.284	12,49%
Cổ phiếu quỹ		60.000	0,36%
Tổng số	27	16.340.000	100,00%

Nguồn: SBVN.

6. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

6.1. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với SBVN:

Công ty Cổ phần Đầu Tư Thông Minh hiện đang nắm giữ 13.427.182 cổ phần của Công ty, chiếm 82,17% vốn điều lệ, là Công ty mẹ của SBVN.

6.2. Các công ty do SBVN nắm giữ cổ phần chi phối:

Công ty không nắm giữ cổ phần chi phối tại bất kỳ công ty nào.

7. GIỚI THIỆU VỀ QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY

Công ty được thành lập năm 1995, đăng ký hoạt động với số vốn đầu tư là 6.097.000 USD, trong đó Vốn pháp định là 2.000.000 USD. Đến Tháng 7 năm 2008, Công ty đã thực hiện đăng ký lại doanh nghiệp và được UBND TP. HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu với Vốn điều lệ là 33.600.000.000 đồng (tương đương 2.100.000 USD). Công ty đã thực hiện chuyển đổi Công ty từ hình thức TNHH thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 80 tỉ đồng (4.480.000 USD) vào Tháng 9 năm 2009. Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 122.700.000.000 đồng (6.513.333 USD) vào tháng 6/2013 theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 do UBND TP. HCM cấp ngày 3/6/2013. Đến năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng Vốn điều lệ lên 163,4 tỉ đồng.

Công ty đã thực hiện 3 đợt tăng vốn kể từ khi đăng ký chuyển đổi thành công ty cổ phần. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (Tỉ đồng)			Hình thức tăng	Đơn vị phê duyệt/cấp
	Trước khi tăng	Tăng thêm	Sau khi tăng		
Tháng 7/1995				Thành lập Công ty với vốn pháp định là 2.000.000 USD	Ủy Ban Nhà Nước về Hợp tác và Đầu tư
Tháng 7/2008			33,6	Đăng ký lại doanh nghiệp	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu)
Tháng 9/2009	33,6	46,4	80,0	Chuyển đổi doanh nghiệp từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần, góp thêm vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới.	UBND TP. HCM (Giấy Chứng nhận đầu tư số 411033000030 ngày 08/09/2009)

Tháng 6/2013	80,0	42,7	122,7	Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 ngày 3/6/2013)
Tháng 6/2015	122,7	40,7	163,4	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 theo tỉ lệ 3:1.	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 5 ngày 30/6/2015)

Nguồn: SBVN.

8. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

8.1. Sản lượng / giá trị sản lượng qua các năm

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh và sản phẩm chính:

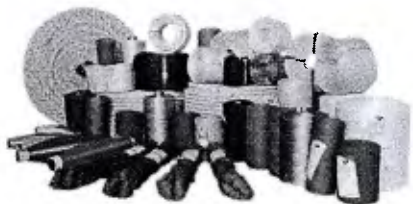
Công ty có hai mảng kinh doanh chính, bao gồm:

- Mảng Sản xuất: Công ty sản xuất các loại dây PP, dây PE, dây thừng bền dùng trong nông, ngư nghiệp; sản xuất các phụ kiện, trang cụ, trang thiết bị nhựa dùng trong nông ngư nghiệp.
- Mảng thương mại: Công ty kinh doanh các sản phẩm khác liên quan đến nông, ngư nghiệp: các loại đèn tập hợp cá, phao nổi, khay nhựa đựng cá, bao tay cao su, sơn, lưới đánh bắt cá và nuôi trồng thủy sản,...

Sản phẩm chính do Công ty sản xuất là dây thừng các loại. Mỗi năm Công ty sản xuất khoảng 6.500 – 8.000 tấn các loại sản phẩm như dây thừng, chỉ cào PE, lưới PP, sợi đơn PE, lưới bùng nhùng, lưới giữ cá, lưới nuôi trồng thủy sản,... Các nhãn hiệu của Công ty gồm có: Nhãn hiệu Con Gà và nhãn hiệu Hải Mã. Dưới đây là một số hình ảnh các sản phẩm chính của Công ty.

Sản phẩm chính do Công ty sản xuất:

- Dây thừng PE (Polyethylene):



- Dây thừng PP (Polypropylene)



- Đèn Metal Halide Light



Công dụng của các sản phẩm:

Các sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng sử dụng trong các lĩnh vực sau đây:

- Sản phẩm dây thừng: làm lưới, giềng lưới, neo buộc tàu, cầu hàng hóa, nuôi trồng thủy sản, an toàn, nông nghiệp;
- Sản phẩm đèn tập hợp cá: thu hút các loài cá, mực và các loại hải sản khác;
- Ứng dụng của sản phẩm trong ngành thủy hải sản: tạo bè nuôi cá tầm, tôm hùm, hào, cá mú, tảo biển, cá đầu rắn,...;
- Ứng dụng trong nông nghiệp:
 - ✓ Sản phẩm dây thừng: Trồng rau sạch trong nhà kính, trồng hoa, khổ qua, dưa chuột, quả bí, các loại nấm ăn,...
 - ✓ Sản phẩm đèn: đèn chiếu sáng vào các sản phẩm cây trồng để kích thích sự tăng trưởng.
- Ứng dụng khác trong ngành hàng hải: dùng dây thừng để neo tàu, thuyền, cầu hàng hóa;
- Ứng dụng khác trong an toàn lao động: cáp và dây bảo hộ an toàn lao động.

Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp phân loại theo sản phẩm:

Hiện tại, doanh thu của Công ty đến từ hai mảng chính là dây thừng và các sản phẩm khác. Dây thừng chiếm khoảng 94% tổng doanh thu của Công ty. Dây thừng có ba nhóm chính là 3 tao, 4 tao và 8 tao. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm của Công ty trong năm 2013, 2014 và 2015 như sau:

Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm:

Đơn vị: Triệu đồng

Nhóm sản phẩm	Doanh thu thuần					
	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỉ trọng (%)	Giá trị	Tỉ trọng (%)	Giá trị	Tỉ trọng (%)
Dây 3 tao	32.807	9%	35.712	9,5%	45.271	9,8%
Dây 4 tao	215.425	58%	206.363	55%	241.136	52,2%
Dây 8 tao	104.482	28%	110.437	29,5%	149.209	32,3%
Sản phẩm khác	17.734	5%	21.819	6%	26.332	5,7%
Tổng số	370.447	100%	374.331	100%	461.948	100%

Nguồn: SBVN.

Cơ cấu Lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm:

Đơn vị: Triệu đồng

Tên nhóm sản phẩm	Lợi nhuận gộp					
	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỉ trọng (%)	Giá trị	Tỉ trọng (%)	Giá trị	Tỉ trọng (%)
Dây 3 tao	8.148	8%	12.495	11%	15.807	10,1%
Dây 4 tao	68.088	63%	70.281	62%	57.763	54,8%
Dây 8 tao	29.610	27%	22.093	20%	52.898	33,8%
Sản phẩm khác	2.464	2%	8.352	7%	2.035	1,3%
Tổng cộng	108.310	100%	113.221	100%	156.502	100%

Nguồn: SBVN.

Doanh thu từ mảng dây thừng chiếm ưu thế trong tổng doanh thu của Công ty, chiếm khoảng 95% trong năm 2013, 94% trong năm 2014 và 98,7% trong năm 2015. Trong khi đó,

doanh thu từ mảng mua bán ngư cụ khác chỉ chiếm một tỷ trọng rất thấp, khoảng 5% trong năm 2013, 6% trong năm 2014 và 5,7% trong năm 2015.

Từ năm 2016 trở đi, Công ty sẽ mở rộng phát triển mảng thương mại – mua, bán các ngư cụ khác như các loại đèn tập hợp cá, khay nhựa đựng cá và sơn chống hà, chống rỉ sét tàu thuyền đánh bắt cá,... Trong đó, nổi bật nhất là sản phẩm đèn tập hợp cá, đây là loại đèn đặc dụng do Công ty nghiên cứu và kết hợp sản xuất với đối tác từ Thái Lan, sản phẩm có tính năng vượt trội và tối ưu hơn về mặt chất lượng so với các nhãn hiệu khác trên thị trường. Khi đó, tỉ trọng của Nhóm sản phẩm khác trong doanh thu sẽ gia tăng.

Trong nhóm sản phẩm dây thừng, loại dây 4 tao chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu hiện nay nhưng đang có xu hướng giảm xuống, từ mức 58% trong tổng doanh thu thuần năm 2013 xuống 55% trong năm 2014 và năm 2015 chiếm 52,2%. Trong khi đó nhóm Dây 8 tao đang có xu hướng tăng lên, từ mức 28% trong năm 2013 lên 29,5% trong năm 2014 và 32,3% trong năm 2015.

8.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh

Từ năm 1996 – 2010, Công ty đã đầu tư khoảng 6,6 triệu USD vào thiết bị và nhà xưởng. Sau khi đưa Nhà máy Số 2 đi vào hoạt động năm 2010, Công ty đã tiếp tục đầu tư thêm thiết bị sản xuất với tổng giá trị 2,6 triệu USD trong 2 năm 2011 và 2012 để nâng tổng công suất của Nhà máy Số 1 và Nhà máy Số 2 lên 7.000 tấn/năm. Để đáp ứng nhu cầu của thị trường ngày càng tăng, Công ty đã xây dựng Nhà máy Số 3 tại Long An với tổng vốn đầu tư hơn 2,6 triệu USD tại thời điểm tháng 07/2012. Tháng 06/2013, Nhà máy số 3 đã hoàn thành và đi vào hoạt động. Đồng thời, Công ty đã đầu tư 4,3 triệu USD để thay thế các thiết bị cũ cho Nhà máy Số 2 và đầu tư mới cho Nhà máy Số 3. Việc đầu tư xây dựng thêm Nhà máy Số 3 đã giúp Công ty nâng tổng công suất lên hơn 10.000 tấn/năm.

Quá trình đầu tư đã giúp cho hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty tăng trưởng và duy trì vị trí dẫn đầu trong ngành. Dưới đây là số liệu về tình hình đầu tư và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013, 2014 và 2015.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ tăng/ giảm so với 2013	Năm 2015	Tỷ lệ tăng/ giảm so với 2014
Tổng giá trị tài sản	374.038	385.024	2,94%	450.473	16,99%
Tài sản cố định	153.104	116.454	-23,94%	103.554	-11,07%
Doanh thu thuần	368.922	373.754	1,31%	461.948	23,59%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	48.279	52.100	7,91%	87.198	67,36%
Lợi nhuận trước thuế	52.504	53.020	0,98%	85.227	60,74%
Lợi nhuận sau thuế	45.661	42.879	-6,09%	82.158	91,6%
Tỷ lệ lãi gộp/Doanh thu	29,24%	30,29%	3,59%	33,87%	11,81%

thuần (%)					
Tỷ lệ lãi từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần (%)	13,09%	13,94%	6,49%	18,87%	35,36%
Tỷ lệ lãi ròng/Doanh thu thuần (%)	12,38%	11,47%	-7,35%	17,78%	55,01%

Nguồn: Báo cáo Tài chính năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán.

8.3. Các yếu tố liên quan đến nguồn nguyên liệu

Nguyên liệu chính và các nhà cung cấp

Nguyên liệu chính để sản xuất sản phẩm dây thừng là hạt nhựa, chủ yếu là hạt nhựa PE và PP. Hạt nhựa PP được Công ty mua chủ yếu từ trong nước và hạt nhựa PE được nhập khẩu từ nước ngoài. Dưới đây là danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu chính của Công ty bao gồm:

STT	Nhà cung cấp	Quốc gia	Sản phẩm
1	SCG Plastics Co.,Ltd	Thái Lan	Hạt nhựa PE
2	Clariant Pte.Ltd	Singapore	Hạt nhựa PP
3	Chi nhánh Tổng Công Ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí	Việt Nam	Hạt màu, hạt
4	Công Ty CP Nhựa OPEC	Việt Nam	Hạt nhựa PP
5	DKSH South East Asia Pte Ltd	Singapore	Hạt màu

Nguồn: Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam.

Công ty đã có quan hệ kinh doanh với các nhà cung cấp này trong nhiều năm và các bên đã tạo được uy tín tốt trong giao dịch thương mại. Theo nhận định của Công ty, nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào là ổn định.

Giá cả nguyên liệu

Giá cả nguyên vật liệu chiếm khoảng 70% chi phí giá vốn hàng bán. Do đó, sự biến động giá nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Ngoài yếu tố cung - cầu về hạt nhựa, giá cả nguyên liệu hạt nhựa phụ thuộc rất lớn vào giá dầu thô trên thị trường quốc tế. Nói chung, khi giá dầu thô tăng giá hạt nhựa sẽ tăng và ngược lại. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, giá dầu thô trung bình Quý I/2015 đứng ở mức 51,57 USD /thùng (giảm 15% so với mức trung bình của tháng 12/2014 - 60,7 USD/thùng) và giá dầu thô trung bình cuối quý II/2015 đứng ở mức 60,45 USD/thùng (tăng 17,2% so với cuối quý I/2015 và giảm 0,41% so với trung bình tháng 12/2014). Tại thời điểm cuối tháng 8/2015, giá dầu thô WTI đứng ở mức 49,2 USD/thùng và giá dầu thô Brent đứng ở mức 54,15 USD/thùng. Theo dự báo của Worldbank, giá dầu thô bình quân của năm 2015 sẽ đứng ở mức 57,4 USD/thùng, giảm 40,3% so với giá bình quân của năm

2014. Giá dầu thô giao dịch trong khoảng 30 – 38 USD/thùng trong hai tháng đầu năm 2016 và đang có xu hướng tăng trở lại. Tuy nhiên, Worldbank vẫn dự báo giá bình quân năm 2016 sẽ ở mức khoảng 37 USD/thùng.

Công ty luôn chủ động trong việc tìm kiếm các nguồn hàng chất lượng và giá cả cạnh tranh, đồng thời nỗ lực thực hiện tốt việc dự báo giá trong tương lai để chủ động và linh hoạt trong việc thu mua nguyên vật liệu có chất lượng và giá cả ổn định, hạn chế tối đa sự ảnh hưởng của giá cả nguồn cung cấp đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

8.4. Trình độ công nghệ, chứng nhận chất lượng sản phẩm

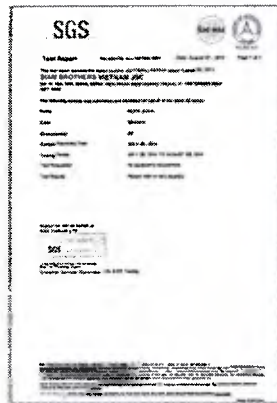
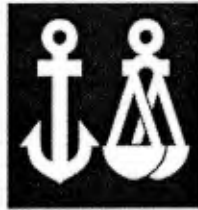
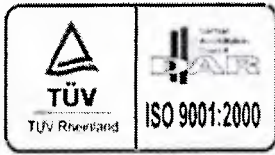
Công ty không ngừng đầu tư vào hệ thống máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất và gia tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành. Công ty nhập khẩu các máy bện dây của Ý và Ấn Độ, còn đối với những sản phẩm đơn giản hơn thì Công ty dùng thiết bị do Việt Nam sản xuất. Với công nghệ sản xuất hiện đại và thiết bị nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật, Ấn Độ và Thái Lan, Công ty có thể sản xuất các sản phẩm với chất lượng tốt nhất theo yêu cầu của khách hàng.

Bên cạnh thiết bị sản xuất hiện đại, Công ty còn có đội ngũ cán bộ, công nhân viên lành nghề và kinh nghiệm. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ngày càng được nâng cao và nỗ lực không ngừng trong việc cải tiến chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đến nay, Công ty đã được các chứng nhận về quản lý chất lượng như sau:

- Năm 2001, Công ty đạt chứng nhận ISO 9002-1994 cho hệ thống quản lý chất lượng.
- Năm 2002, Công ty đã nâng cấp thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 do Tổ chức TV Rheiland (Đức) và Quacert (Việt Nam) đồng chứng nhận.
- Năm 2005, Công ty đạt chứng nhận ISO 9001-2000 do DNV (Đức) cấp chứng nhận.
- Năm 2015, Công ty đạt chứng nhận ISO 9001 – 2008 do Công ty Bureau Veritas Việt Nam cấp chứng nhận
- Hiện nay Công ty đang thực hiện quy trình quản lý chất lượng toàn diện TQM (Total Quality Management), quy trình cải tiến sản xuất toàn diện TPM (Total Productive Maintenance).
- Tiêu chuẩn quốc tế ISO 2307
- Tiêu chuẩn Việt Nam 6259-2003
- Tiêu chuẩn Cơ sở đăng ký với Tổng cục đo lường chất lượng số TC-01-2013 Siam Brothers Việt Nam ngày 05/09/2013
- Giấy chứng nhận công nhận năng lực cơ sở chế tạo và Quy trình chế tạo do Cục đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 12/02/2015.

HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

- ▶ ISO 9001:2000
- ▶ ISO 2307
- ▶ TCVN
- ▶ TC 01-2003



DNV Certificate

Quatest 3 Certificate

SGS Certificate

Các hoạt động đảm bảo chất lượng sản phẩm của Công ty:

- Lựa chọn nhà cung cấp có đủ điều kiện.
- Kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào.

- Kiểm soát chất lượng trên quy trình sản xuất.
- Kiểm soát chất lượng thành phẩm.
- Thực hiện việc kiểm định các thiết bị đo lường định kỳ để đảm bảo các hoạt động kiểm soát chất lượng luôn chính xác.
- Thực hiện các hoạt động thực nghiệm và cải tiến để đảm bảo chất lượng tốt nhất đến cho khách hàng.

8.5. Hoạt động Marketing

Để duy trì và thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, Công ty luôn chú trọng đến các hoạt động marketing. Dưới đây là một số hoạt động marketing chính của Công ty.

Hoạt động quảng bá thương hiệu:

Công ty liên tục thực hiện xây dựng và quảng bá thương hiệu thông qua các hoạt động:

- Tham gia tài trợ cho các lớp huấn luyện thuyền trưởng và tài trợ các lễ hội tại các làng nghề truyền thống của ngư dân, các lễ hội cầu ngư, lễ hội Nghinh Ông,...
- Tài trợ cho “Hội nghị tổng kết phong trào nông dân sản xuất thi đua giỏi” của tỉnh Bình Thuận.
- Xây dựng các chương trình khuyến mãi cho khách hàng, tổ chức các hội nghị khách hàng để tiếp xúc và trao đổi thông tin với khách hàng, trao giải cho các khách hàng đã trúng thưởng ở các khu vực Đà Nẵng, Kiên Giang, Nghệ An, Quy Nhơn, Tiền Giang, Nha Trang, Phan Thiết, Vũng Tàu,...
- Tổ chức chương trình khuyến mãi chào mừng 100% các sản phẩm dây thùng, máy bộ đàm và máy phát điện.

Phát triển hệ thống phân phối

Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ thông qua nhiều kênh phân phối khác nhau. Công ty phân phối sản phẩm thông qua hệ thống đại lý các cấp khoảng 95% tổng doanh thu hàng năm và bán trực tiếp cho khách hàng (là các khách hàng tổ chức lớn) khoảng 5% doanh thu hàng năm. Hệ thống phân phối của Công ty trải rộng khắp các tỉnh, thành của Việt Nam, bao gồm 3 khu vực chính:

- Miền Bắc: Hải Phòng, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An,...
- Miền Trung: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa,...
- Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Ninh Thuận, Bình Thuận,...

Công ty có chính sách bán hàng rất linh hoạt, chính sách giá bán khuyến nghị theo sản lượng bán của mỗi nhà phân phối. Tỷ lệ phần trăm chiết khấu cụ thể sẽ được Công ty quyết định tùy theo tình hình cụ thể của mỗi thị trường.

Chính sách giá cả

Công ty thực hiện tốt việc dự báo nguồn nguyên vật liệu trong nước và nhập khẩu để từ đó có chính sách thu mua hợp lý và đảm bảo giá bán sản phẩm không bị dao động quá nhiều, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của khách hàng, doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Giá bán các sản phẩm của Công ty hiện tại đang ở mức cao nhất trên thị trường hiện nay. Tuy nhiên, sản phẩm của Công ty vẫn được khách hàng ưu tiên đón nhận do sản phẩm của Công ty có chất lượng vượt trội so với các sản phẩm khác và chất lượng các dịch vụ hậu mãi của Công ty thuộc loại tốt nhất trên thị trường.

Phát triển quan hệ cộng đồng

Là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoài việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh, Công ty vẫn luôn có những hoạt động để phục vụ cộng đồng xung quanh, thể hiện rõ tính nhân văn của doanh nghiệp thông qua những hoạt động như cứu trợ đồng bào lũ lụt miền Trung, trao học bổng cho các trẻ em Trường khuyết tật ở Quận 12, TP. Hồ Chí Minh và nhiều những hoạt động cộng đồng khác,...

8.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đang sử dụng thương hiệu đã được đăng ký bảo hộ tại thị trường Việt Nam.

Tên nhãn hiệu: SIAM Brothers VIETNAM.

Logo của Công ty:



Công ty đã tiến hành nộp tờ khai đăng ký nhãn hiệu vào ngày 13/08/2014. Đồng thời, Công ty cũng đã hoàn tất việc đăng ký thương hiệu hình ảnh của SBVN. Các thương hiệu gồm có:

Chữ viết tắt	Logo
--------------	------

SIAM BROTHERS	SIAM BROTHERS
SIAM Brothers GROUP	SIAM Brothers GROUP
SBG	SBG
SEA HORSE	
SIAM Brothers VIETNAM	

Bên cạnh đó, Công ty cũng được quyền thừa hưởng và sử dụng logo con gà được đăng ký bởi Công ty mẹ cho các sản phẩm dây thừng:



8.7. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Công ty bán hàng thông qua một chuỗi các đại lý trải đều khắp các khu vực trong cả nước. Công ty và khách hàng chỉ ký kết các hợp đồng nguyên tắc và được rà soát hàng năm. Dưới đây là một số hợp đồng nguyên tắc với các đại lý tiêu biểu:

STT	Tên đối tác	Giá trị hợp	Sản phẩm	Thời điểm ký	Thời gian
-----	-------------	-------------	----------	--------------	-----------

		đồng dự kiến năm 2015		kết	thực hiện
1	Miền Nam: bao gồm các khách hàng Nghĩa Thái, Ngọc Tỷ và các đại lý khác	190 tỷ	Dây thừng	23/12/2013	2014 - 2015
2	Miền Bắc bao gồm các khách hàng Hồng Kim Soa...	65 tỷ	Dây thừng	3/6/2014	2014 - 2015
3	Miền Trung: bao gồm các khách hàng Hoàng Nhật, Mỹ Linh, Quang Hùng, Hải Hiệp Phú, Cầu Thành...	60 tỷ	Dây thừng	3/6/2014	2014 - 2015
4	Dự án khác	10 tỷ	Dây thừng	3/6/2014	2014 - 2015
5	Xuất khẩu thị trường Indonesia (CV Medan)	25,56 tỷ	Dây thừng		2014 - 2015
6	Xuất khẩu thị trường Nhật Bản (Bellwood)	19,17 tỷ	Dây thừng		2014 - 2015
7	Xuất khẩu thị trường Malaysia (JC machinery)	10,65 tỷ	Dây thừng		2014 - 2015
8	Xuất khẩu thị trường Myanmar (uthan Maung, Myanmar Kanyotan...)	4,26 tỷ	Dây thừng		2014 - 2015
9	Các thị trường khác	3,20 tỷ	Dây thừng		2014 - 2015

Nguồn: SBVN.

9. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 2 NĂM GẦN NHẤT VÀ LŨY KẾ ĐẾN QUÝ GẦN NHẤT

9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013 và 2014 khá tốt mặc dù tình hình kinh tế vĩ mô trong thời gian này khác xấu. Doanh thu của Công ty tăng trưởng 1,31% trong năm 2014. Lợi nhuận trước thuế năm 2014 tăng 0,98% so với năm 2013. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế giảm 6,09%. Lợi nhuận sau thuế năm 2014 giảm so với năm 2013 là do sự thay đổi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2013, Công ty hưởng thuế suất ưu đãi cao hơn năm 2014. Trong năm 2015, doanh thu thuần của Công ty đã tăng trưởng 23,52% và

lợi nhuận sau thuế đã tăng 91,6% so với năm 2014. Dưới đây là kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013, 2014 và 2015.

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm so với 2013)	Năm 2015	% tăng giảm so với 2014)
Tổng giá trị tài sản	374.038	385.025	2,94%	450.473	17,00%
Doanh thu thuần	368.922	373.754	1,31%	461.648	23,52%
Lợi nhuận từ HĐKD	48.279	52.100	7,91%	87.198	67,37%
Lợi nhuận khác	4.225	920	-78,22%	(1.970)	-314,13%
Lợi nhuận trước thuế	52.504	53.020	0,98%	85.227	60,75%
Lợi nhuận sau thuế	45.661	42.879	-6,09%	82.158	91,60%
EPS (đồng/cổ phiếu)	3.734	2.624	-29,73%	5.028	91,62%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ túc (%)	143,3%(*)	103,45%	-27,8%	49,72%	-51,93%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán.

(*): Năm 2013, Công ty thực hiện trả cổ tức 53,3% (trên vốn điều lệ 122,7 tỉ đồng), trong đó:

- Bằng tiền mặt: 20% (2.000 đồng/cổ phiếu).

- Bằng cổ phiếu theo tỉ lệ 3:1.

9.2. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2014 tăng 0,88% so với năm 2013. Trong đó, tỉ trọng Chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần tăng 14,02% (từ mức 7,06% lên mức 8,05% doanh thu thuần) và tỉ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần tăng 2,9% so với năm 2013 (từ mức 6,2% lên 6,38% doanh thu thuần), tỉ trọng Chi phí tài chính tăng 32,17% (từ mức 4,01% lên mức 5,3% doanh thu thuần). Số liệu về chi phí và tỉ trọng chi phí trên doanh thu thuần trong năm 2013, 2014 và 2015 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi phí	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	261.059	70,76%	260.532	69,71%	305.445	66,2%
2	Chi phí bán hàng	26.032	7,06%	30.099	8,05%	23.959	5,19%
3	Chi phí Quản lý doanh nghiệp	22.891	6,20%	23.846	6,38%	37.888	8,21%
4	Chi phí tài chính	14.809	4,01%	19.815	5,30%	13.699	2,97%
5	Chi phí khác	16.784	4,55%	10.295	2,75%	2.099	0,45%

Tổng cộng:	341.575	92,58%	344.587	92,19%	383.090	82,98%
-------------------	----------------	---------------	----------------	---------------	----------------	---------------

Nguồn: Báo cáo Tài chính năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán.

Tỉ lệ Chi phí bán hàng, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần tăng lên trong năm 2014 là do Công ty đang đẩy mạnh phát triển thống phân phối. Công ty đẩy mạnh sự kết nối hệ thống mạng lưới phân phối với các đại lý nhỏ thông qua những chính sách tài hỗ trợ tài chính đến hoạt động kinh doanh của họ. Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung đầu tư vào các hoạt động xây dựng thương hiệu để gia tăng mức độ nhận biết các nhãn hiệu sản phẩm đối với các dòng sản phẩm của Công ty.

Năm 2015, tỉ lệ chi phí giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần giảm 5,03%, tỉ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu thuần giảm 35,52%, tỉ lệ chi phí tài chính trên doanh thu thuần giảm 43,96% và tỉ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần tăng 28,68% so với năm 2014.

9.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh khá tốt trong năm 2014 và 2015. Có nhiều yếu tố tác động đến hoạt động kinh doanh. Dưới đây là những nhân tố chính ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2014 và 2015.

a) Những nhân tố thuận lợi:

- Chất lượng sản phẩm của Công ty dẫn đầu thị trường nên được khách hàng của Công ty trên thị trường tin nhiệm. Sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt có chất lượng đồng đều và nhất quán.
- Các sản phẩm của Công ty đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và phù hợp với các nhu cầu mới của thị trường.
- Đội ngũ nhân sự của Công ty có trình độ nhiều kinh nghiệm, luôn tâm huyết với sự phát triển của Công ty. Điều này giúp cho Công ty luôn duy trì được chất lượng sản phẩm tốt nhất trên thị trường.
- Hệ thống máy móc sản xuất với công nghệ hiện đại, được nhập khẩu từ các nước tiên tiến, có thể sản xuất được tất cả các loại dây thừng có đường kính từ 1,5mm cho đến 120mm để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Hệ thống phân phối rộng lớn: Công ty có hệ thống mạng lưới các đại lý phân phối trải dài vùng ven biển Việt Nam, với 22 nhà phân phối lớn và hơn 600 cửa hàng bán lẻ tại 28 tỉnh, thành trên cả nước. Điều đặc biệt là các nhà phân phối, đại lý này đã gắn bó lâu năm với Công ty, tạo nên mối quan hệ vững chắc giữa Công ty và các đại lý.
- Sản phẩm của Công ty có giá bán thuộc hàng đầu trên thị trường, cao hơn so với những sản phẩm của các công ty khác từ 10% đến 30% nhưng vẫn được khách hàng đón nhận do uy tín công ty và chất lượng sản phẩm có ưu thế vượt trội hơn so với các sản phẩm khác cùng ngành.

- Chính sách bảo hành các sản phẩm của Công ty đều được bảo hành với thời hạn 3 năm. Đến thời điểm hiện tại, Công ty là nhà sản xuất duy nhất có chế độ bảo hành với thời gian dài như vậy. Đây thực sự là lời cam kết chắc chắn về sản phẩm của Công ty với các khách hàng.
- Giá nguyên liệu hạt nhựa PE, PP có xu hướng giảm trong các tháng cuối năm 2014 và năm 2015.
- Lãi suất vay nợ trong hai năm vừa qua giảm khá mạnh, đến nay còn khoảng 7%/năm, do đó Công ty cũng được hưởng lợi. Chi phí vay vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã giảm đáng kể.

b) Những nhân tố khó khăn

- Sự cạnh tranh quyết liệt về giá cả và chất lượng sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh cùng ngành đã ảnh hưởng đến tình hình doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Tình hình bất ổn tại vùng biển miền Trung do nằm trong khu vực bị Trung Quốc tranh chấp, đã làm ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt cá của ngư dân. Yếu tố này đã ảnh hưởng đến quá trình đầu tư tàu, ghe mới và do đó ảnh hưởng đến quá trình tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Chi phí bán hàng có xu hướng tăng so với năm 2013 do Công ty đang tập trung mở rộng hệ thống phân phối, thực hiện nhiều hoạt động khuyến mãi và tài trợ cho khách hàng nhằm tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các đại lý, hệ thống phân phối trên khắp cả nước. Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần năm 2015 tăng mạnh so với năm 2014.

10. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

10.1. Triển vọng phát triển của ngành

Nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản là một trong những ngành đang phát triển tại Việt Nam. Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, ngành thủy, hải sản đóng góp 3,79% tổng sản phẩm quốc nội năm 2014 theo giá hiện hành, tăng 3,55% so với năm 2013 và đang có xu hướng tăng nhanh hơn trong những năm sắp tới. Dưới đây là số liệu về giá trị và cơ cấu của ngành thủy sản trong năm 2013 và 2014.

Giá trị sản phẩm nông, lâm và thủy sản theo giá hiện hành	Giá trị		Cơ cấu so với tổng sản phẩm quốc nội	
	Năm 2013	Năm 2014 (ước tính)	Năm 2013	Năm 2014
Nông nghiệp	503.556	536.539	14,05%	13,63%
Lâm nghiệp	23.996	27.763	0,67%	0,70%
Thủy sản	131.227	149.079	3,66%	3,79%
Cộng	658.779	713.381	18,38%	18,12%

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Việt Nam có bờ biển dài trên 3.200 km và với vùng đặc quyền khai thác trên một triệu km², chiếm gần 30% diện tích Biển Đông (theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982). Đây là cơ sở quan trọng để phát triển ngành thủy sản của Việt Nam. Ngành thủy sản đóng góp một phần quan trọng trong nền kinh tế và lực lượng lao động tham gia trong lĩnh vực này khá lớn nên Chính phủ Việt Nam rất quan tâm đến việc phát triển ngành thủy sản. Chính phủ Việt Nam đã đặt mục tiêu đến năm 2020, sản lượng thủy sản sẽ đạt mức 7 triệu tấn, giá trị xuất khẩu đạt mức 11 tỉ USD, trong đó khai thác chiếm 35% và nuôi trồng chiếm 65%; đến năm 2030 sản lượng thủy sản đạt mức 9 triệu tấn, giá trị xuất khẩu đạt mức 20 tỉ USD, trong đó khai thác chiếm 30% và nuôi trồng chiếm 70%.

Để thúc đẩy sự phát triển của ngành thủy sản, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP trong tháng 7/2014. Đây là một cơ sở pháp lý quan trọng tạo cơ sở thúc đẩy ngành thủy sản phát triển, đặc biệt là lĩnh vực đánh bắt xa bờ. Trên cơ sở Nghị định này, các cơ quan có thẩm quyền hữu quan đã và đang triển khai các chính sách để thực thi Nghị định này. Các chương trình hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ đang được Chính phủ đẩy mạnh. Với các chính sách hỗ trợ này, quá trình đầu tư tàu, thuyền mới của ngư dân đang tăng trưởng.

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Cục khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản năm 2013, cả nước có khoảng 130.000 tàu đánh cá, trong đó tàu đánh bắt xa bờ khoảng 22.000 chiếc. Với các mục tiêu của Chính phủ đối với ngành thủy sản, số tàu đánh bắt xa bờ đến năm 2020 dự kiến có khoảng 28.000 – 30.000 chiếc. Đây là cơ hội của các doanh sản xuất và kinh doanh dây thừng và ngư cụ, đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất dây thừng có kích thước dài, đường kính lớn, dùng cho các tàu đánh bắt xa bờ. Đây là thế mạnh của Công ty vì công nghệ sản xuất và các thiết bị của Công ty đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng sản phẩm cũng như kích cỡ của các loại dây.

Theo nghiên cứu nội bộ của Công ty, nhu cầu về các loại dây thừng như sợi PP, chì, dây thừng PE, dây thừng PP 3 tao, dây thừng PP 4 tao, dây thừng PP 8 tao, dây tao, dây chì, lưới và đèn tập hợp cá của các tàu đánh bắt xa bờ sẽ tăng đột biến trong thời gian tới.

10.2. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành

Theo tính toán của Công ty, thị phần của Công ty chiếm 24% trên tổng sản phẩm thị phần các loại dây (theo số liệu tính toán năm 2014), tính riêng trong lĩnh vực nông ngư nghiệp là khoảng 40%. Riêng về thị phần dây thừng, thị phần của Công ty chiếm khoảng 90%. Theo khảo sát của Công ty, 90% các đội tàu đánh bắt xa bờ đều dùng sản phẩm của Công ty.

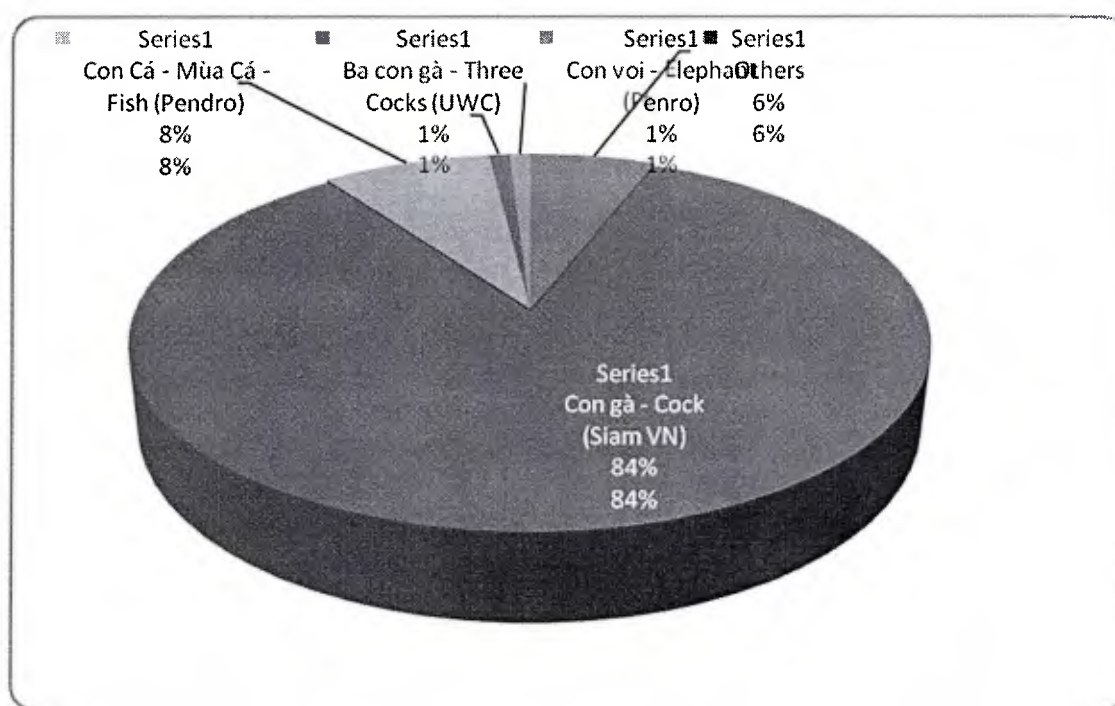
Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trong nước khoảng 90% và xuất khẩu chiếm 10% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu của Công ty gồm có Nhật Bản, Indonesia, Malaysia và Na Uy. Hiện tại Công ty vẫn đang tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường để ngày càng phát triển lớn mạnh, phù hợp với xu thế và chiến lược phát triển của ngành thủy sản Việt Nam.

Tại thị trường trong nước, Công ty là một trong những doanh nghiệp hàng đầu, đi tiên phong trong lĩnh vực sản xuất dây thừng dùng trong lĩnh vực đánh bắt cá. Sản phẩm của Công

ty được nghiên cứu và sản xuất bởi đội ngũ nhân sự giỏi và lành nghề. Với các sản phẩm có chất lượng tốt, giá cả hợp lý và dịch vụ hậu mãi chu đáo, sản phẩm của Công ty đã được khách hàng chấp nhận và đánh giá cao. Theo báo cáo nghiên cứu của Axis Research thực hiện Tháng 07/2012, “Thương hiệu Con gà của Công ty là thương hiệu dẫn đầu thị trường về mức độ nhận biết và yêu thích sử dụng trên thị trường, vượt xa các đối thủ khác trên thị trường. Xét về khu vực, thương hiệu Con gà của Công ty được nhận biết nổi bật nhất ở khu vực miền Nam và miền Trung”. Thương hiệu của Công ty được công nhận rộng rãi trên thị trường và tạo được niềm tin cho ngư dân theo thời gian.

Sản phẩm của Công ty có giá cao hơn so với các sản phẩm cùng loại nhưng chất lượng vượt trội, bảo hành 3 năm đối với tất cả các loại sản phẩm của Công ty và đa dạng về chủng loại sản phẩm.

Đối với sản phẩm dây thừng:



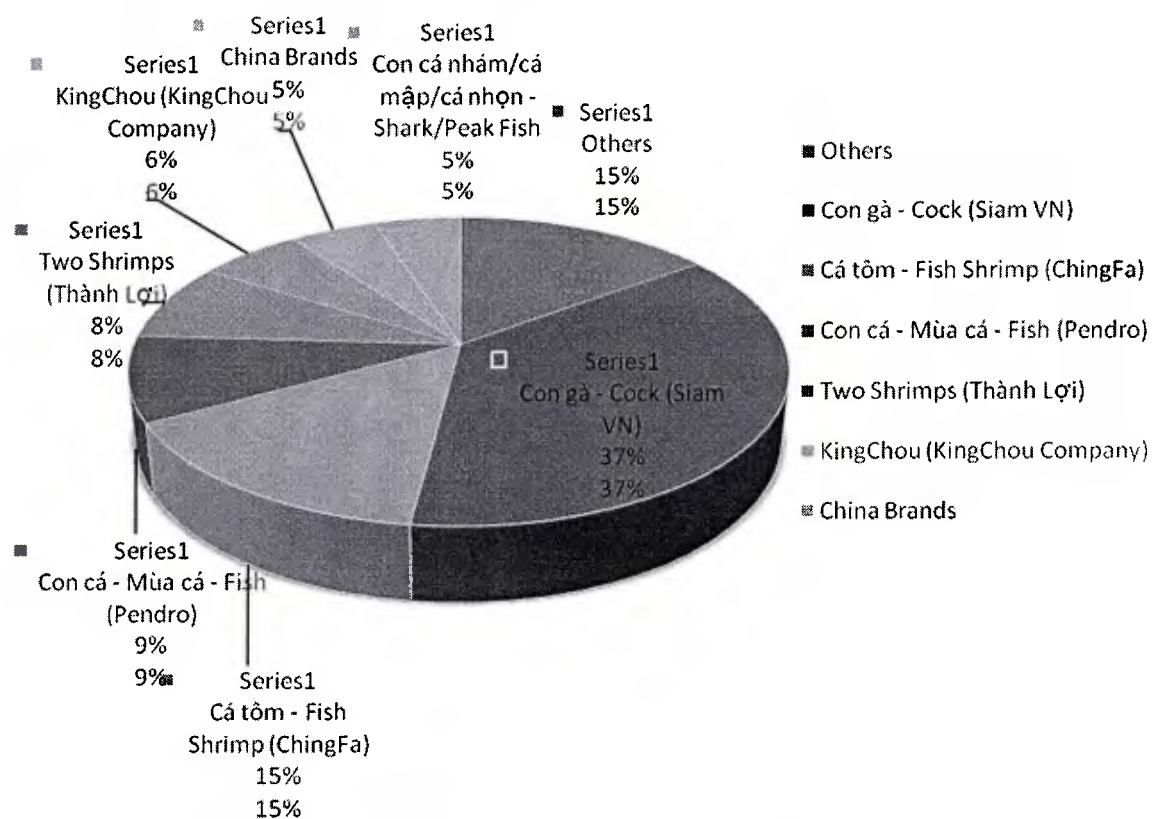
Sản phẩm dây thừng có logo hình con gà của Công ty được 84% khách hàng tín nhiệm và sử dụng. Trong khi đó, nhãn hiệu “Mùa cá” và “Con voi” của Penro chỉ chiếm 9% thị phần, còn các nhãn hiệu khác chiếm 2%.

(Trích từ Báo cáo nghiên cứu của Axis Research – Tháng 07/2012)

Đối với sản phẩm dây bện:

Sản phẩm dây bện của Công ty được tin dùng nhiều nhất so với các nhãn hiệu khác có mặt trên thị trường, nhãn hiệu “Con gà” của Công ty chiếm tỷ trọng sử dụng cao nhất trên thị

trường 37%, kế đến là nhãn hiệu “Cá tôm” – ChingFa (15%), “Con cá” – Penro (9%), “Two shrimp” – Thành Lợi (8%), “KingChou” (6%). Những nhãn hiệu khác chiếm 5%.



(Trích từ Báo cáo nghiên cứu của Axis Research – Tháng 07/2012)

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Ngành thủy sản là một trong những lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. Với các chính sách và định hướng của Chính phủ để thúc đẩy sự phát triển ngành thủy sản như đã nêu trên, Công ty nhận thấy nhu cầu về ngư cụ sẽ gia tăng. Do đó, đây là cơ hội cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất ngư cụ. Với định hướng đầu tư và sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu của ngư dân, Công ty tin tưởng định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp với chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

11. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

11.1. Cơ cấu lao động

Đến thời điểm hiện tại, lực lượng lao động của Công ty có 407 người, với cơ cấu như sau:

Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
Phân theo trình độ	407	100%

Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
– Đại học	97	24%
– Trình độ trung cấp và cao đẳng	117	29%
– Lao động phổ thông	193	47%
Phân theo đối tượng lao động	407	100%
– Nhân viên gián tiếp	83	20%
– Nhân viên trực tiếp	324	80%
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	407	100%
– Không xác định thời hạn	319	78%
– Có xác định thời hạn	88	22%

Nguồn: SBVN.

11.2. Chính sách đối với người lao động

– Chính sách tiền lương

Tiền lương, tiền thưởng được chi trả căn cứ vào tổng quỹ tiền lương và mức trích lập quỹ khen thưởng được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Việc phân phối tiền lương, thưởng theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng được Hội đồng quản trị thông qua.

Công ty trả lương theo thời gian làm việc nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hàng năm, cán bộ công nhân viên được xét tăng lương phụ thuộc vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và năng lực thực tế của nhân viên. Tiền lương của người lao động gồm có:

- ✓ Lương chức danh theo trình độ nghiệp vụ chuyên môn;
- ✓ Lương tháng 13;
- ✓ Phụ cấp cho những vị trí công việc đặc thù;
- ✓ Chế độ xem xét tăng lương gắn liền với hiệu quả công việc và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ngoài tiền lương cơ bản và phụ cấp công việc, Công ty áp dụng các trợ cấp như sau:

- ✓ Trợ cấp tiền chuyên cần: 200.000 đồng/tháng dành cho nhân viên Nhà máy.
- ✓ Trợ cấp tiền điện thoại (áp dụng cho nhân viên làm việc tại văn phòng):
 - Giám đốc: 500.000 đồng/tháng;
 - Trưởng phòng: 400.000 đồng/tháng;
 - Phó phòng, trợ lý: 200.000 đồng/tháng;
- ✓ Trợ cấp tiền cơm cho nhân viên văn phòng: 20.000 đồng/ngày, đối với công nhân viên nhà máy được Công ty phục vụ cơm trưa.

✓ Trợ cấp đồng phục:

- Đối với công nhân sản xuất: 03 đôi giày và 04 áo, 02 nón/nữ/năm.
- Đối với nhân viên văn phòng: 03 bộ đồng phục/năm.

– **Chính sách tiền thưởng**

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty tăng năng suất và hiệu quả lao động, Công ty luôn có chính sách khen thưởng phù hợp và kịp thời cho nhân viên dựa trên kết quả hoạt động hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

Người lao động có thành tích công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nghiêm chỉnh chấp hành mọi nội quy của Công ty và quy định của đơn vị đều được xét khen thưởng. Tiêu chuẩn, hình thức và mức độ khen thưởng được thực hiện theo Quy chế khen thưởng của Công ty. Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ, công nhân viên và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty, Giám đốc Công ty quyết định việc chi thưởng cuối năm cho người lao động. Việc xét thưởng được thực hiện theo Quy chế thưởng hiệu quả (lượng năng suất) và hoặc quy định khác về thi đua khen thưởng (nếu có) của Công ty, cụ thể gồm nhưng không giới hạn các loại thưởng điển hình như sau:

- ✓ Thưởng theo thành tích của cá nhân được phân chia căn cứ theo đánh giá xếp loại A,B,C, mức lương và ngày công.
- ✓ Thưởng theo thành tích của Phòng/ Ban được phân chia căn cứ theo mức độ hoàn thành kế hoạch về doanh thu lợi nhuận của các Phòng/ Ban.
- ✓ Thưởng cải tiến, sáng kiến làm lợi cho Công ty, thưởng cho cá nhân và nhóm người đạt được thông qua các phong trào trong Công ty
- ✓ Tùy tình hình kinh doanh hàng năm, công ty sẽ thưởng vào các ngày: tết dương lịch, ngày Lễ 30/4 và 1/5; ngày Quốc khánh 2/9.
- ✓ Tiền thưởng Tết âm lịch sẽ dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty được xét và phát trước Tết âm lịch.
- ✓ Thưởng khác (nếu có).
- ✓ Phụ cấp công việc: Dựa vào tính chất công việc mà người sử dụng lao động và người lao động có thể thương lượng mức phụ cấp khác nhau.

– **Chính sách đào tạo**

Công ty nhận thức được rằng nguồn lực là một trong những nhân tố then chốt quyết định sự phát triển và thành công của doanh nghiệp. Do đó, đào tạo là công tác ưu tiên hàng đầu của Công ty. Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề nhằm xây dựng lực lượng lao động có tay nghề cao và đạt hiệu quả tốt nhất trong công việc.

Cung cấp cơ hội học tập liên tục và đa dạng nhằm đến việc phát triển nhân viên lên những tầm cao nghề nghiệp tương xứng với tiềm năng của mỗi người là cách mà Công ty thu hút, sử dụng và gìn giữ tài năng, đồng thời đáp ứng nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh mới ngày càng nhiều thách thức:

- ✓ Xây dựng tiêu chuẩn và lộ trình phát triển năng lực cho các cấp bậc để làm cơ sở thiết lập chương trình đào tạo hàng năm, đào tạo dài hạn,..
- ✓ Các khóa đào tạo kỹ năng giải quyết vấn đề (A3), kiến thức chuyên môn, đào tạo quản lý,... được tổ chức liên tục với chương trình thiết kế phù hợp với yêu cầu thực tế của SBVN và khả năng của những người tham dự;
- ✓ Hệ thống Giảng viên của Công ty được phát triển hài hoà từ lực lượng giảng viên nội bộ cung cấp những kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn mang tính đặc thù của Công ty cho đến hợp tác các giảng viên cộng tác đến từ Thái Lan chọn lọc cẩn thận bởi kinh nghiệm giảng dạy đã được đánh giá cao hoặc được giới thiệu bởi những tổ chức có uy tín nhằm đảm bảo đội ngũ nhân viên Công ty có thể tiếp thu những kiến thức, kỹ năng hiện đại, hiệu quả nhất.

– Chế độ làm việc

- ✓ Chế độ làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.
- ✓ Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: theo quy định của pháp luật.
- ✓ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Công ty thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc 100% cho người lao động.
- ✓ Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, áp dụng chế độ định kỳ kiểm tra sức khoẻ cho toàn thể CBCNV trong Công ty mỗi năm một lần
- ✓ Tổ chức những chuyến du lịch tham quan và nghỉ dưỡng, kết hợp xây dựng tình đồng đội của cán bộ công nhân viên trong Công ty định kỳ hàng năm.

– Các chính sách khác đối với người lao động

- ✓ Tổ chức đi du lịch hàng năm tùy theo kết quả kinh doanh Công ty.
- ✓ Hỗ trợ học phí cho con cán bộ - công nhân viên, Tết trung thu, ngày 1/6.
- ✓ Các chương trình chăm lo cho con em CB-CNV: ngày hội gia đình SBVN , học bổng cho con em CB-CNV SBVN, khen thưởng con CB-CNV có thành tích học tập tốt.
- ✓ Hiếu hỉ, sinh nhật, đau ốm, thai sản.
- ✓ Vay quỹ trợ cấp thôi việc.
- ✓ Tiệc cuối năm (31/12); quà cho ngày Quốc tế phụ nữ (8/3).

- ✓ Tổ chức các hội thi : văn nghệ, thể thao,tạo sân chơi cho cán bộ - công nhân viên.
- ✓ Khám sức khỏe định kỳ 1 năm/1 lần.
- ✓ Công ty mua thêm Bảo hiểm Siam care(mua phân bảo hiểm nội trú dành cho cán bộ - công nhân viên làm việc tại Công ty từ đủ một năm trở lên), bảo hiểm tai nạn(24/24) cho cán bộ - công nhân viên sau khi ký hợp đồng chính thức.

12. CHÍNH SÁCH TRẢ CỔ TỨC

Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông dựa trên kết quả kinh doanh hàng năm. Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông. Tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông các năm từ 2011 đến năm 2014 như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức/Mệnh giá	Ghi chú
2011	45%	Tiền mặt
2012	52%	Tiền mặt
2013	53,33%	20% bằng tiền mặt và 33,33% bằng cổ phiếu.
2014	27%	Tiền mặt
2015 (dự kiến)	25%	Tiền mặt
2016 (dự kiến)	25%	Tiền mặt

Nguồn: SBVN.

Công ty đã có chính sách cổ tức tốt nhất cho các cổ đông trong các năm vừa qua và Công ty sẽ nỗ lực để duy trì mức cổ tức hợp lý nhất theo kết quả kinh doanh của Công ty.

13. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

13.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Số liệu về tình hình vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Vốn chủ sở hữu	187.385	208.242	221.393
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.700	163.400	163.400
Thặng dư cổ phần	1.000	1.000	1.000

Cổ phiếu quỹ	(600)	(600)	(600)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.141	-	14.908
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	14.908	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	49.144	29.534	42.685
<u>Nợ phải trả</u>	<u>186.653</u>	<u>176.783</u>	<u>229.081</u>
Nợ ngắn hạn	158.288	148.555	210.780
Nợ dài hạn	28.365	28.228	18.301
<u>Tổng vốn kinh doanh</u>	<u>374.038</u>	<u>385.025</u>	<u>450.473</u>

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán.

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh và vốn điều lệ của Công ty như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
<u>Tài sản ngắn hạn</u>	<u>214.616</u>	<u>207.288</u>	<u>285.591</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.139	30.782	57.970
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.031	24.151	6.338
Các khoản phải thu ngắn hạn	129.795	87.378	155.107
Hàng tồn kho	25.978	43.026	54.028
Tài sản ngắn hạn khác	28.674	21.951	12.148
<u>Tài sản dài hạn</u>	<u>159.422</u>	<u>177.736</u>	<u>164.882</u>
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	2.079
Tài sản cố định	153.104	116.454	103.554
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	441
Tài sản dài hạn khác	6.318	61.282	58.809
Tổng tài sản	374.038	385.025	450.473

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán.

b) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến

TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 3 – 20 năm
- Máy móc: 2 – 13 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 3 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 3 – 8 năm
- Quyền sử dụng đất: 20 năm
- Phần mềm máy tính: 2 – 5 năm

Từ tháng 10/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của TSCĐ tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những TSCĐ trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 36 tháng.
- TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

c) Mức lương bình quân của người lao động

Mức lương bình quân của người lao động giai đoạn 2012– 2014:

- Năm 2012: 4.571.000 đ/người/tháng.
- Năm 2013: 5.862.000 đ/người/tháng.
- Năm 2014: 6.604.000 đ/người/tháng.

d) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Đến cuối năm 2014, Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa được dự phòng. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản nợ nào với các thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán Trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan.

e) Các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế giá trị gia tăng VAT, thuế xuất nhập khẩu và các khoản phí khác theo quy định của Nhà nước.

f) Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật

Việc trích lập các quỹ được căn cứ theo:

- Quy định của pháp luật;
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới;
- Quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.
- Đề xuất của Hội đồng quản trị và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2013, 31/12/2014 và 31/12/2015 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	14.908	0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	151	-	-
Tổng cộng	151	14.908	0

Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán.

g) Tổng dư nợ vay

Tình hình nợ vay của Công ty tại thời điểm cuối năm 2013, 2014 và 2015 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Nợ vay	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	104.558	104.793	116.811
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.240	21.186	12.032
Tổng cộng	129.798	125.979	128.834

Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán.

h) Tình hình công nợ

- Các khoản phải thu

Đơn vị: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Phải thu ngắn hạn	129.795	87.378	155.107
Phải thu khách hàng	47.714	48.767	95.984

Trả trước cho người bán	36.384	18.089	14.589
Các khoản phải thu khác (*)	45.798	24.122	31.949
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	15.843
Dự phòng phải thu khó đòi	(101)	(3.600)	(3.258)
Tài sản thiếu chờ xử lý			
Phải thu dài hạn	-	-	2.079
Tổng cộng	129.795	87.378	157.186

Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán.

– Các khoản phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Phải trả ngắn hạn	158.288	148.555	210.780
Vay và nợ ngắn hạn	104.558	104.793	116.811
Phải trả cho người bán	12.656	10.066	14.159
Người mua trả tiền trước	1.300	224	785
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.542	7.372	4.115
Phải trả người lao động	1.259	2.249	3.507
Chi phí phải trả	7.410	8.414	11.080
Các khoản phải trả phải nộp khác	27.411	15.436	53.867
Quỹ khen thưởng phúc lợi	152	-	-
Phải trả dài hạn	28.365	28.227	18.301
Phải trả dài hạn khác	3.125	5.766	3.751
Vay và nợ dài hạn	25.240	21.186	12.032
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	1.275	2.518
Tổng nợ phải trả	186.653	176.782	229.081

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán.

13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Tình hình tài chính của Công ty luôn được duy trì khá ổn định. Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty giai đoạn từ năm 2013 đến 31/12/2015:

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
--------------	--------	----------	----------	----------

1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,36	1,40	1,35
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,19	1,11	1,09
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Lần			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,50	0,46	0,50
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,00	0,85	1,03
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán)/Tồn kho bình quân	Lần	10,9	7,55	6,29
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,99	0,97	1,02
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,4%	11,5%	17,78%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	24,4%	20,6%	37,10%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	12,2%	11,1%	18,23%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	13,1%	13,9%	18,87%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cổ phần	3.209	2.847	5.028

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán.

13.3. Thông tin về những điểm cần lưu ý trên BCTC năm 2014:

Trong Báo cáo tài chính năm 2014, có một số ý kiến của Kiểm toán viên liên quan đến số liệu của BCTC mà các nhà đầu tư cần lưu ý. Các ý kiến cụ thể như sau:

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Siam Brothers Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 36 của Báo cáo tài chính về việc trình bày lại số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 (số liệu báo cáo tài chính tại ngày 1 tháng 1 năm 2013), không bao gồm các khoản điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 36 của Báo cáo tài chính, đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đưa ra

ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính trong báo cáo kiểm toán lần lượt ngày 5 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 3 năm 2013.

Như một phần công việc kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán đối với các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 36 được sử dụng để trình bày lại số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tình hình tài chính tại ngày 1 tháng 1 năm 2013. Chúng tôi không được bổ nhiệm để kiểm toán, soát xét, hay thực hiện bất cứ thủ tục nào đối với các báo cáo tài chính cho các năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hay ngày 31 tháng 12 năm 2012 (không được trình bày ở đây), ngoại trừ các điều chỉnh được trình bày trong thuyết minh 36 của báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay bất kỳ hình thức đảm bảo nào đối với toàn bộ các báo cáo tài chính này. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh được trình bày trong thuyết minh 36 đã được áp dụng một cách phù hợp.

Phần thuyết minh 36: Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty đã phát hiện một số sai sót trong báo cáo tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Công ty đã áp dụng chính sách hồi tố để điều chỉnh các sai sót này bằng cách điều chỉnh lại số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 và các số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:

- Công ty phân loại lại một số khoản phải thu khác sang đầu tư tài chính ngắn hạn tương đương 32.331.932.316 VND.
- Công ty ghi nhận giảm doanh thu và phải thu khách hàng tương đương 1.069.078.970 VND do Công ty ghi nhận thừa doanh thu trong năm 2013.
- Công ty ghi nhận tăng dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho với các giá trị tương đương lần lượt là 3.709.319.952 VND và 1.568.275.872 VND do dự phòng lập không đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- Công ty ghi nhận tăng hàng tồn kho tương đương 2.828.694.898 VND do Công ty ghi nhận thiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- Công ty phân loại lại một số tài sản ngắn hạn khác sang các khoản phải thu khác tương đương 10.283.566.431 VND đối với các khoản phải thu từ các cổ đông.
- Công ty phân loại lại từ tài sản cố định vô hình sang chi phí trả trước dài hạn tương đương 43.828.133.433 VND do Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, quyền sử dụng đất đối với đất thuê sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 (ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003) được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.
- Công ty ghi nhận tăng tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương đương 1.350.716.301 VND phát sinh từ việc điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện.
- Công ty ghi nhận tăng phải trả người bán, chi phí phải trả và dự phòng ngắn hạn với các giá trị tương đương lần lượt là 1.622.921.511 VND, 616.307.091 VND và 1.275.223.356 VND, do các quyền và nghĩa vụ này đã hiện hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- Công ty phân loại lại thu nhập tiền lãi từ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ Tầng Việt Sơn từ thu nhập khác sang doanh thu hoạt động tài chính với giá trị tương đương 4.125.201.672 VND.

- Công ty đã căn trừ khoản thu nhập khác và chi phí khác tương đương 9.755.402.928 VND liên quan đến việc mua bán nội bộ tài sản cố định.
- Công ty đã chuyển đổi tiền tệ kế toán từ USD sang VND (Thuyết minh 2(d)) và phát sinh chênh lệch do việc chuyển đổi đơn vị tiền tệ này là 14.907.569.048 VND.

14. SOYẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

14.1. Thành viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay có 06 thành viên, trong đó có một Chủ tịch, một Phó Chủ tịch và bốn thành viên. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị gồm có:

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Ông Veerapong Sawatyanon	1962	Chủ tịch HĐQT
Ông Itthapat Sawatyanon	1973	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Huỳnh Tiến Việt	1969	Thành viên HĐQT
Ông Lê Trần Anh Tuấn	1971	Thành viên HĐQT
Ông Lê Phụng Hào	1964	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Trường Hải	1975	Thành viên HĐQT

Sơ yếu lý lịch của các thành viên như sau:

(1) Ông Veerapong Sawatyanon- Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 22/08/1968.
- Nơi sinh : Thái Lan
- Quốc tịch : Thái Lan.
- Dân tộc : Thái.
- Quê quán : Thái Lan
- Chứng minh nhân dân/Passport: Số AA3540970 Cấp ngày 7/8/2014 tại Thái Lan.
- Địa chỉ thường trú : 157/3 đường Suksawad, phường Paklongbangbakod, quận Prasamuthjedi, tỉnh Samuthprakarn, Thái Lan.
- Số điện thoại cơ quan: 08.38912889
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư

- Quá trình công tác :
 - 1995 – 06/2015: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP Siam Brothers VN.
 - 06/2015 – nay: Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Siam Brothers VN.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT .
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Đầu Tư Thông Minh.
 - Tổng giám đốc Công ty CP Phát Triển Hạ tầng Việt Sơn.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty (đến ngày 30/09/2015): 0 đồng.
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/09/2015): 800.000 cổ phần.
 - Cá nhân nắm giữ: 800.000 cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: 13.427.182 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/09/2015):
 - Itthapat Sawatyanon: 800.000 cổ phần
 - Pratip Sawatyanon: 439.284 cổ phần
 - Công ty CP Đầu Tư Thông Minh: 13.427.182 cổ phần.

(2) Ông Itthapat Sawatyanon – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 31/08/1973
- Nơi sinh : Thái Lan
- Quốc tịch : Thái Lan.
- Dân tộc : Thái.
- Quê quán : Thái Lan
- Chứng minh nhân dân/Passport: Số AA2277028, cấp ngày 1/10/2013 tại Thái Lan.
- Địa chỉ thường trú : 157/3 đường Suksawad, phường Paklongbangbakod, quận Prasamuthjedi, tỉnh Samuthprakarn, Thái Lan.
- Số điện thoại cơ quan : 08.38912889
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Quá trình công tác:

- 1995 – 06/2015: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công Ty CP Siam Brothers Việt Nam.
- 06/2015 – nay: Thành viên HĐQT Công Ty CP Siam Brothers Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Thành viên của Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Đầu Tư Thông Minh.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty (đến ngày 30/09/2015): Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/09/2015): 800.000 cổ phần.
 - Cá nhân nắm giữ: 800.000 cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/09/2015):
 - Veerapong Sawatyanon: 800.000 cổ phần.
 - Pratip Sawatyanon: 439.284 cổ phần.
 - Công ty CP Đầu Tư Thông Minh: 13.427.182 cổ phần.

(3) Ông Huỳnh Tiến Việt – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 11/08/1969
- Nơi sinh : Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Khánh Hòa
- Chứng minh nhân dân/Passport: 024687232, cấp ngày 5/2/2007, tại TPHCM.
- Địa chỉ thường trú: 54/31 Bùi Quang Là, P.12, Gò Vấp, TPHCM
- Số điện thoại cơ quan : 08 – 39878263
- Trình độ văn hóa :12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
 - 1994 – 1996: Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp Công ty Đức Thành, Q. Gò Vấp, TP HCM.

- 1996 – 2014: Giám đốc kinh doanh Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
- 2014 – nay: Giám đốc điều hành Công ty CP Đầu tư Thông Minh
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Giám Đốc Điều Hành Công ty CP Đầu tư Thông Minh
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: 23.200.000 VND
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/09/2015): 22.400 cổ phần.
 - Cá nhân nắm giữ: 22.400 cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/09/2015): Không

(4) Ông Lê Trần Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 31/05/1971
- Nơi sinh : Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Khánh Hòa
- Chứng minh nhân dân/Passport: 024687233, cấp ngày 5/2/2007, tại TPHCM.
- Địa chỉ thường trú : 75/3/10 KP1, Đường Lê Văn Khương, P. Thới An, Quận 12, Tp. HCM
- Số điện thoại cơ quan: 08 – 39878263
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Đại Học
- Quá trình công tác:
 - 1996 – 2000: Trợ lý Giám đốc nhà máy Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
 - 2001 – 2013: Giám đốc nhà máy Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
 - 2009 – nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Siam Brothers Việt nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/09/2015): 22.400 cổ phần.
 - Cá nhân nắm giữ: 22.400 cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/09/2015): Không

(5) Ông Lê Phụng Hòa– Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 14/04/1964
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Chứng minh nhân dân/Passport: Số 021575701, cấp ngày 6/1/2012, tại TPHCM
- Địa chỉ thường trú: 15 D1 KBT Thảo Nguyên Sài Gòn, P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, TPHCM
- Số điện thoại cơ quan: 08 – 39878263
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác:
 - 1991 – 2003: Thành viên Hội đồng thành viên, Phó TGD Công ty SXHTD Bình Tiên (BITIS)
 - 2003 – 2010: Phó Tổng Giám Đốc tập đoàn Kinh Đô (KDC)
 - 2009 – 2014: Thành viên HĐQT độc lập và cố vấn Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hoa Sen.
 - 2010 – nay: Chủ tịch hội Marketing Việt Nam (VMA)
 - 2014 - nay : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Siam Brothers Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Chủ tịch hội Marketing Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/09/2015): 0 cổ phần.
 - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/09/2015): Không

(6) Ông Nguyễn Trường Hải – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 21/10/1975
- Nơi sinh : Bến Tre
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Bến Tre
- Chứng minh nhân dân/Passport: Số 272444733, cấp ngày 07/12/2010, tại Đồng Nai.
- Địa chỉ thường trú : 33/2 KP8A, Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai
- Số điện thoại cơ quan: 08 – 39878263
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh.
- Quá trình công tác:
 - 1998-2001: Production Manager công ty Nec/Tokin Việt Nam
 - 2001-2008: Factory Manger (Ba Vi factory) công ty Nestle Việt Nam
 - 2008-2010: Manufacturing Manager công ty Intel Products Việt Nam
 - 2010-nay: Vice President Manufacturing & Supply Chain – công ty Cổ Phần Công Nghiệp Vĩnh Tường và Managing Director – công ty Cổ Phần Hiệp Phú.
 - 2014 - nay : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Siam Brothers VN
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Vice President Manufacturing & Supply Chain – Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Vĩnh Tường
 - Managing Director – Công ty Cổ Phần Hiệp Phú.



- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/09/2015): 0 cổ phần.
 - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/09/2015): Không.

14.2. Ban kiểm soát

Ban Kiểmsoát của Công ty gồm có ba thành viên:

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Ông Nguyễn Trần Quỳnh	1982	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phó Lệ Quyên	1976	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Đặng Thị Mỹ Kim	1977	Thành viên Ban kiểm soát

Sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban Kiểm soát như sau:

(1) Ông Nguyễn Trần Quỳnh – Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 15/10/1982
- Nơi sinh : Tp.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Nghệ An
- Chứng minh nhân dân: Số 023593725 Cấp ngày 12/03/2013 tại Tp.HCM.
- Địa chỉ thường trú: 71/11 đường 185 Phường Phước Long B Q.9 TPHCM.
- Số điện thoại cơ quan : (08) 38912889
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Quá trình công tác:
 - 2005 – 2008 : Quản lý sản xuất - Văn phòng đại diện Decathlon Vietnam.

- 2008 – nay : quản lý giá thành - Văn phòng đại diện Adidas Vietnam.
- 2011 – nay : thành viên ban kiểm soát công ty Siam Brothers Vietnam.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Quản lý giá thành tại Văn phòng đại diện Adidas Vietnam.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ với Công ty: Không.
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/09/2015): 0 cổ phần.
 - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/09/2015): Không

(2) Bà Phó Lê Quyên - Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày/tháng/Năm sinh :12/05/1976
- Nơi sinh : Tp.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Tp.HCM
- Chứng minh nhân dân: Số 022918594, cấp ngày 16/07/2009, tại TP.HCM.
- Địa chỉ thường trú :5/3 Ấp Bắc Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP.HCM.
- Số điện thoại cơ quan :(08) 38912889
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn :Đại học
- Quá trình công tác :
 - 1999-2003: Công ty TNHH SX-TM Trung Dũ.
 - 2005-2008: Công ty CP Phát triển Hạ tầng Việt Sơn.
 - 2010-nay: Công ty CP Siam Brothers Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/09/2015): 0 cổ phần.
 - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/09/2015):
 - Nguyễn Trí Thành (quan hệ: chồng): 22.400 cổ phiếu.

(3) Bà Đặng Thị Mỹ Kim – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày/tháng/Năm sinh: 20/12/1977
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Hương Phú – Thừa Thiên Huế
- Chứng minh nhân dân/Passport: 0244717335, cấp ngày 29/03/2007, tại TP. HCM.
- Địa chỉ thường trú : 15/09A Lê Văn Thọ, P.9, Q. Gò Vấp, TP.HCM.
- Số điện thoại cơ quan: 08.37425327
- Trình độ văn hóa :12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kế Toán/ Kiểm Toán
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2000 – 2003: Kế toán viên tại Công ty TNHH Quảng Cáo Phong Cách.
 - Từ năm 2003 – 2008: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quảng Cáo Phong Cách.
 - Từ năm 2008 – nay: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quảng Cáo Nhất Phát.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quảng Cáo Nhất Phát.
 - Kế toán trưởng tại Công ty Cổ Phần Xây Dựng Vận Tải Số Chín.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ với Công ty: Không.

- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/09/2015): Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/09/2015): Không.

14.3. Thành viên Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam gồm có ba thành viên:

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Ông Fan Weng Kee	1956	Tổng Giám Đốc
Ông Trần Thanh Long	1973	Giám Đốc kinh doanh
Ông Nguyễn Đức Huy	1974	Giám đốc sản xuất

(1) Ông Fan Weng Kee – Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 11/02/1956
- Nơi sinh : Malaysia
- Quốc tịch : Malaysia
- Dân tộc : Malaysia
- Quê quán : Malaysia
- Chứng minh nhân dân/Passport: A25337491, cấp ngày 17/10/2011, tại Malaysia.
- Địa chỉ thường trú: 87/1 Quốc lộ 1A, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TPHCM
- Số điện thoại cơ quan: (08) 38912889
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ
- Quá trình công tác:
 - 1984-1988: Giảng viên Đại Học Huddersfield, Vương Quốc Anh.
 - 1992-1996: Giám Đốc bộ phận Chuỗi Cung Ứng và Hệ thống thông tin Công ty Zuellig Pharma, Thái Lan.
 - 1997-1999: Trưởng đại diện Kodak Representatives Offices tại Việt Nam.
 - 2000-2006: Phó Tổng giám đốc Pataya Foods Industries Limited, Thái Lan.
 - 2006-2009: Phó Tổng Giám Đốc Phillips Foods Asia Co Ltd.
 - 2011-2015: Giám đốc Công ty Thai Union Frozen Group PCL (TUF).
 - 2015 - nay: Tổng giám đốc Công ty CP Siam Brothers Việt Nam.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Tổng Giám Đốc Công ty CP Siam Brothers Việt Nam.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: 125.794.520 VND
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/09/2015): 0 cổ phần.
 - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/09/2015): Không.

(2) Ông Trần Thanh Long- Giám đốc kinh doanh

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh : 23/09/1973
- Nơi sinh : TPHCM
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Hà Nam
- Chứng minh nhân dân/Passport: Số B4859604 Cấp ngày 06/12/2010 tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh.
- Địa chỉ thường trú: 624/3b Kha Vạn Cân , Phường Linh Đông , Quận Thủ Đức
- Số điện thoại cơ quan : 08 – 39878263
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác:
 - 2002-2005 : Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia.
 - 2005 -2007 : Trưởng VPDD Gold Success Industries tại Vietnam
 - 2007-2010 : Giám đốc kinh doanh công ty TNHH Gạch men Vicera
 - 2010-2012 : Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty xi măng Công thành
 - 2012-nay : Giám đốc kinh doanh Công ty CP Siam Brothers Vietnam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Giám đốc kinh doanh
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Giám đốc Công ty TNHH MTV Đắc Lộ.

- Giám đốc Công ty TNHH AESTHETICS MARKETING ASIA VIETNAM.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: 348.872.300 VND
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/09/2015): 0 cổ phần.
 - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/09/2015): Không.

(3) Ông Nguyễn Đức Huy – Giám đốc sản xuất

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 08/02/1974
- Nơi sinh : TPHCM
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : TPHCM
- Chứng minh nhân dân/Passport: Số022940940 Cấp ngày 01/12/2005 tại TP. HCM.
- Địa chỉ thường trú : 220/4/12 Hoàng Hoa Thám, P.5, Q.Bình Thạnh, TP. HCM.
- Số điện thoại cơ quan: 08 – 39878263
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác :
 - 1997-1999 : Kỹ sư tại Công ty TNHH Phân bón Miền Nam.
 - 2000 -2001 : Kỹ sư tại Công ty TNHH Tàu Thủy Sài Gòn.
 - 2001-2013 : Giám đốc sản xuất tại Công ty TNHH Maruel VietNam.
 - 2015 – nay: Giám đốc sản xuất tại Công ty CP Siam Brothers VN.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Giám đốc sản xuất
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: 86.821.800 VND
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/09/2015): 0 cổ phần.

- Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần.
- Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/09/2015): Không

14.4. Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nữ
- Ngày/tháng/Năm sinh : 14/12/1978
- Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : TP. Hồ Chí Minh
- Số Chứng Minh Nhân Dân: 023086565, cấp ngày 26/04/2012, tại CA TP. Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ thường trú : 79/2 Quang Trung, P.8, Q.Gò Vấp, TP. HCM.
- Số điện thoại cơ quan: (08) 38912889
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Quá trình công tác:
 - 2001 – 2002: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH TM Dịch Vụ Moto Kiều.
 - 2002 – 2006: Kế toán tổng hợp Công ty CP Siam Brothers Việt Nam.
 - 2007 - 06/2015: Kế toán trưởng Công ty CP Nông Nghiệp Sinh Thái
 - 07/2015 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 30/9/2015): 22.400 cổ phần.
 - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 30/9/2015): Không.

15. TÀI SẢN

15.1. Tổng hợp tình hình tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và thời điểm 31/12/2015 được thể hiện trong Bảng dưới đây:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Hạng mục	31/12/2014			31/12/2015		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL /NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL /NG
TSCĐ hữu hình	191.898	69.488	36,2%	222.198	72.769	32,7%
Nhà cửa	54.741	32.560	59,5%	55.476	30.514	55,0%
Nhà xưởng và máy móc	127.132	34.261	26,9%	156.109	39.644	25,4%
Thiết bị văn phòng	1.733	107	6,2%	1.912	203	10,6%
Phương tiện vận chuyển	8.292	2.560	30,9%	8.700	2.409	27,7%
TSCĐ thuê tài chính	57.905	46.421	80,2%	37.792	30.166	79,8%
Nhà xưởng và thiết bị	57.905	46.421	80,2%	37.792	30.166	79,8%
TSCĐ vô hình	2.890	2.752	95,2%	3.547	619	17,5%
Quyền sử dụng đất	2.729	138	5,1%	2.729	0	0,0%
Phần mềm vi tính	161	0	0,0%	818	619	75,7%

Nguồn: BCTC năm 2014, 2015 đã kiểm toán.

15.2. Nhà cửa, vật kiến trúc và đất thuộc sở hữu của Công ty

a) Nhà cửa, vật kiến trúc

Nhà cửa, vật kiến trúc thuộc sở hữu của Công ty gồm có:

STT	Tên tài sản	Địa chỉ	Diện tích xây dựng
1	Trụ sở Công ty	Tòa nhà Anna, số 10, CVPM Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Q.12, Tp.HCM	278,7 m ²
2	Nhà máy Số 1	87/1 QL1A, P. Tân Thới Hiệp, Q.12, TP.HCM.	4.594,2 m ²
3	Nhà máy Số 2 (Chi nhánh 1)	Lô A201-202, đường C, KCN Thái Hòa, Đức Hòa 3, Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.	4.398,8 m ²
4	Nhà máy Số 3 (Chi nhánh 2)	Lô E đường số 7, KCN Thái Hòa, Đức Hòa 3, Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.	5.046 m ²

Nguồn: SBVN.

b) Đất đai:

Tổng số diện tích đất Công ty đang sử dụng: 62.899,96 m², trong đó diện tích đất thuê: 62.899,96 m². Số liệu cụ thể về đất thuê của Công ty như sau:

STT	Tên	Diện tích	Địa điểm	Đất thuộc sở hữu của Công ty/ Đất thuê	Mục đích sử dụng
1	Văn phòng Công ty	278,7 m ²	Tòa nhà Anna, số 10, CVPM Quang Trung, P.Tân Chánh Hiệp, Q.12, Tp.HCM	Đất thuê	Sử dụng làm Văn phòng
2	Văn phòng Công ty (Nhà máy 1)	4.365 m ²	87/1 QL1A, P.Tân Thới Hiệp, Q.12, TP.HCM	Đất thuê dài hạn 25 năm, trả tiền hàng năm, cố định theo quy định của Nhà nước	Sử dụng làm Văn phòng
3	Nhà máy Số 1	6.864m ²	87/1 QL1A, P.Tân Thới Hiệp, Q.12, TP.HCM	Đất thuê dài hạn 25 năm, trả tiền hàng năm, cố định theo quy định nhà nước	Nhà xưởng
4	Nhà máy Số 2 (Chi nhánh 1)	9.886m ²	Lô A201-202, đường C, KCN Thái Hòa, Đức Hòa 3, Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An	Đất thuê dài hạn 50 năm, trả tiền 1 lần	Nhà xưởng
5	Nhà máy Số 3 (Chi nhánh 2)	41.506,2m ²	Lô E đường số 7, KCN Thái Hòa, Đức Hòa 3, Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An	Đất thuê dài hạn 50 năm, trả tiền 1 lần	Nhà xưởng

Nguồn: SBVN.

16. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO

16.1. Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận và cổ tức

Căn cứ vào thực trạng của Công ty và môi trường kinh doanh, Công ty dự kiến kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2015 - 2016 như sau:

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức năm 2015 - 2016

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2014	Thực hiện Năm 2015	Kế hoạch năm 2016	
			Giá trị, tỷ lệ	% tăng/ giảm so với 2015
Doanh thu thuần	373.754	461.948	620.000	34,21%
Lợi nhuận trước thuế	53.020	85.227		
Lợi nhuận sau thuế	42.879	82.158	90.000	9,55%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	11,47%	17,78%	14,51%	-18,39%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ thực góp	26,24%	50,28%	43,81%	-12,87%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	20,59%	37,1%	22,17%	-40,24%
Tỷ lệ cổ tức	27%	25% (**)	25%	0

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2014, 2015 đã kiểm toán, Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2016.

(*): Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 dự kiến là 22%. Sau khi được ưu đãi theo Giấy phép đầu tư, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải đóng dự kiến sẽ là 10%.

(**): Dự kiến tỉ lệ cổ tức là 25%, sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, dự kiến được tổ chức vào tháng 4-5/2016.

16.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm

Để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2016, Công ty sẽ thực hiện những giải pháp sau:

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống mạng lưới phân phối từ đại lý cấp 1 đến các đại lý cấp 2 và cấp 3.
- Triển khai phân phối các mặt hàng ngư cụ khác như đèn đánh cá, sơn chống hà, găng tay, phao tới ngư dân qua hệ thống phân phối hiện tại.
- Nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và duy trì giá cả ổn định.
- Mở rộng thị phần tiêu thụ trong nước.
- Tiếp tục đẩy mạnh khai thác các thị trường xuất khẩu mục tiêu như Indonesia và Malaysia, Mỹ, Úc, Hàn Quốc, Philippine; phấn đấu đạt tỷ lệ 75% tiêu thụ sản phẩm cho thị trường trong nước và đạt 25% lượng tiêu thụ sản phẩm đối với xuất khẩu.
- Phát triển thương hiệu mới và đa dạng hóa các sản phẩm của Công ty.
- Tập trung xây dựng thương hiệu và hệ thống phân phối.
- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển trung và dài hạn.

17. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng đánh giá về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2016 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện tại của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam là phù hợp và có thể đạt được nếu không bị ảnh hưởng bởi những nhân tố bất khả kháng.

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng lưu ý rằng những nhận xét của MBKE chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. MBKE khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý MBKE bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

18. THỜI HẠN DỰ KIẾN ĐƯA CỔ PHIẾU VÀO GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CÓ TỔ CHỨC

Công ty sẽ đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức trong vòng 3 – 6 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành này theo quy định của pháp luật. Cụ thể, Công ty sẽ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM trong thời hạn 3 – 6 tháng kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán cổ phần ra công chúng này.

19. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Không.

20. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

Không.

PHẦN V CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **LOẠI CỔ PHIẾU:** Cổ phiếu phổ thông.
2. **MỆNH GIÁ:** 10.000 đồng/cổ phần.
3. **TỔNG SỐ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN:** 4.200.000 cổ phần.
4. **GIÁ CHÀO BÁN DỰ KIẾN:** 33.000 đồng/cổ phần.
5. **PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam số 01/2016/NQ.ĐHĐCĐ ngày 25/2/2016, giá bán cổ phần được dự kiến trong khoảng 27.000 – 33.000 đồng/cổ phần. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định giá bán tại thời điểm chào bán. Hội đồng quản trị đã quyết định giá chào bán là 33.000 đồng/cổ phần.

Giá chào bán cổ phần được tính toán theo giá trị trung bình của các phương pháp sau đây:

- Giá trị cổ phần theo giá trị sổ sách dự kiến cuối năm 2016.
- Giá trị cổ phần tính theo phương pháp so sánh với chỉ số P/E bình quân của thị trường.

a. Giá trị cổ phần theo giá trị sổ sách:

Giá sổ sách của cổ phần được xác định dựa trên công thức sau:

Giá trị sổ sách của cổ phần	=	$\frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần lưu hành}}$
--------------------------------	---	--

Giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm cuối năm 2015 được xác định như sau:

Giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm cuối năm 2015	=	$\frac{225.046.612.056 \text{ đồng}}{(16.340.000 - 60.000) \text{ cổ phần}} = 13.852 \text{ đồng/cổ phần.}$
---	---	---

Công ty dự kiến lợi nhuận sau thuế năm 2016 là 90 tỉ đồng và giả định hoàn tất việc tăng vốn điều lệ trong kỳ, với giá chào bán tối thiểu bằng giá trị sổ sách cuối năm 2015. Vốn chủ sở hữu cuối kỳ 2016 được dự kiến như sau:

Vốn chủ sở hữu cuối năm 2015:	225.046.612.056 đồng.
Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2016:	90.000.000.000 đồng.
Chi trả cổ tức năm 2015:	40.700.000.000 đồng.

(Cổ tức bằng tiền mặt năm 2015 dự kiến, 2.500 đồng/cổ phần).

Vốn tăng thêm do phát hành (đã trừ chi phí phát hành): 56.897.534.000 đồng.

Vốn chủ sở hữu dự kiến cuối kỳ: 331.244.146.161 đồng.

Giá trị sổ sách của cổ phần được cuối năm 2016 dự kiến như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phần} = \frac{331.244.146.161 \text{ đồng}}{(20.540.000 - 60.000) \text{ cổ phần}} = 16.174 \text{ đồng/cổ phần.}$$

b. Giá trị cổ phần tính theo phương pháp so sánh với chỉ số P/E bình quân của thị trường chứng khoán:

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2016 của Công ty và chỉ số P/E trung bình trong 6 tháng cuối năm 2015 của các cổ phiếu đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

Số liệu về chỉ số P/E trung bình 6 tháng cuối năm 2015 Các cổ phiếu giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM như sau:

	Tháng 7/2015	Tháng 8/2015	Tháng 9/2015	Tháng 10/2015	Tháng 11/2015	Tháng 12/2015	Trung bình 6 Tháng
P/E (lần)	12,42	11,14	11,07	11,93	11,21	12,27	11,67

Nguồn: Bloomberg.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2016 dự kiến của Công ty: 90 tỉ đồng.
- Lợi nhuận trên cổ phần dự kiến: 4.382 đồng/cổ phần.

Do cổ phiếu của Công ty chưa niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán nên giá bán sẽ được chiết khấu so với thị trường thông qua việc điều chỉnh giảm chỉ số P/E trung bình của Thị trường.

Giá cổ phần theo phương pháp so sánh với chỉ số P/E của thị trường sau khi chiết khấu như sau:

Mức chiết khấu	20%	25%	30%	35%	40%
EPS (đồng/cổ phần)	4.382	4.382	4.382	4.382	4.382
Chỉ số P/E sau chiết khấu (lần)	9.3	8.8	8.2	7.6	7.0
Giá cổ phần (đồng/cổ phần)	40.907	38.351	35.794	33.237	30.681

c. Giá cổ phần trung bình

Giá cổ phần được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo trọng số của hai phương pháp. Trong đó:

- Giá theo phương pháp giá trị sổ sách, có trọng số 30%.

- Giá theo phương pháp so sánh với chỉ số P/E bình quân của thị trường chứng khoán có chiết khấu, có trọng số 70%.

Trên cơ sở đó, giá cổ phần trung bình theo hai phương pháp được xác định như sau:

Tỉ lệ chiết khấu so với P/E bình quân của thị trường	20%	25%	30%	35%	40%
Giá theo phương pháp P/E sau chiết khấu (Trọng số 70%)	40.907	38.351	35.794	33.237	30.681
Giá theo Sổ sách (Trọng số 30%)	16.174	16.174	16.174	16.174	16.174
Giá trung bình cổ phần	33.487	31.698	29.908	28.118	26.329

Trên cơ sở đó, giá chào bán cổ phần được dự kiến trong khoảng từ 27.000 đến 33.000 đồng/cổ phần.

6. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng thực hiện việc phân phối cổ phiếu. Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng là đại lý phát hành. Cổ phiếu sẽ được phân phối theo nguyên tắc: Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền đặt cọc (10% tổng giá trị cổ phiếu đặt mua) trước sẽ được ưu tiên phân phối trước. Trường hợp các Nhà đầu tư đặt cọc trùng thời điểm, Phiếu đăng ký nào có số lượng đặt mua cổ phiếu nhỏ hơn sẽ được ưu tiên trước.

7. THỜI GIAN PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến sẽ được Công ty thực hiện trong vòng 90 ngày sau khi nhận được giấy chứng nhận chào bán chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Các bước thực hiện đợt chào bán cổ phiếu sẽ được dự kiến thực hiện như sau:

STT	Công việc	Thời gian thực hiện
1	Nhận Giấy chứng nhận chào bán cổ phần	D
2	Công bố thông tin về đợt chào bán trên phương tiện thông tin đại chúng	D – D + 7
3	Nhà đầu tư đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần	D + 7 – D + 90
4	Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phần cho UBCKNN	D + 90 – D + 100
5	Cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho Nhà đầu tư	D + 90 – D + 120

8. ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHIẾU

8.1. Công bố thông tin

Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau ngày nhận giấy phép phát hành từ UBCKNN, Công ty sẽ công bố việc phát hành trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.

8.2. Địa điểm nhận đăng ký

- Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Siam Brothers:
Tầng 1, Tòa nhà Anna, 10 Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh.
- Trụ sở chính của Công ty TNHH MTV Chứng khoán MaybankKim Eng:
Lầu 4A-15+16 Tòa nhà Vincom Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh.
- Các chi nhánh của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank-Kim Eng:
 - ✓ Chi nhánh Phú Nhuận: 456 Phan Xích Long, P.2, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
 - ✓ Chi nhánh Chợ Lớn: Lầu 1, Tòa nhà Tân Đà, 86 Tân Đà, P.11, Q.5, TP. Hồ Chí Minh.
 - ✓ Chi nhánh Đồng Nai: 249 Hà Huy Giáp, Khu phố 4, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
 - ✓ Chi nhánh Vũng Tàu: 27-29-31 Trung Nhị, P.1, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
 - ✓ Chi nhánh An Giang: Lầu 3, TTTM Nguyễn Huệ, 9/9 Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
 - ✓ Chi nhánh Đà Nẵng: 2F-482, Hoàng Diệu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
 - ✓ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 3, Tòa nhà 14-16 Hàm Long, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

8.3. Phương thức thanh toán

Nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phiếu bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của Công ty. Thông tin chi tiết về người thụ hưởng như sau:

- Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam.
- Số tài khoản: VND 0501000091252.
- Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn.

8.4. Chuyển giao cổ phiếu

Công ty sẽ thực hiện chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông trong thời gian 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

9. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẤM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Sau khi chào bán cổ phần ra công chúng, Công ty sẽ trở thành công ty đại chúng. Do đó, để tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tỷ lệ nắm giữ cổ phần của người nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015. Hiện tại, danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện và tỉ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đang được cơ quan chức năng soạn thảo và chưa được ban hành chính thức do đó Công ty tạm thời áp dụng tỉ lệ

nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài cho đợt chào bán này là 49%. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh tỉ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài cho phù hợp với quy định của pháp luật sau khi các quy định được ban hành chính thức.

10. CÁC HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG

Cổ phiếu chào bán được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Đối với cổ phiếu không chào bán hết cho nhà đầu tư và được phân phối tiếp cho các cổ đông sáng lập của Công ty sẽ bị hạn chế chuyển nhượng một năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo Nghị quyết ngày 29/2/2016 của Hội đồng quản trị.

11. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

11.1. Đối với Công ty

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định 122/2011/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Hiện tại, Công ty đang được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016 trở đi. Tuy nhiên, điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Chi nhánh cho phép Chi nhánh được miễn thuế thu nhập trong ba năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011), và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo (đến năm 2016).

b. Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013; Nghị định 123/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định 121/2011/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và



7
3
N
T
A
H
T

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; các Thông tư hướng dẫn thi hành của Bộ Tài chính.

11.2. Đối với nhà đầu tư

a. Nhà đầu tư cá nhân

Nhà đầu tư cá nhân phải chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 21/11/2007, Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

b. Nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư Tổ chức chịu thuế theo quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định 122/2011/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

12. NGÂN HÀNG MỞ TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHIẾU

- Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam.
- Số tài khoản: VND 0501000091252.
- Tại ngân hàng: TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn.

PHẦN VI

MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Đợt chào bán cổ phiếu Công ty được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 số 02/2015/NQ.ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 11 năm 2015, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ.ĐHĐCĐ ngày 25/2/2016 về điều chỉnh giá chào bán cổ phần ra công chúng.

Mục đích của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng lần này là để huy động vốn thực hiện tài trợ cho các hoạt động kinh doanh sau đây. Tùy theo số tiền thực tế huy động được, Công ty dự kiến sẽ phân bổ nguồn vốn như sau:

- Xây dựng Nhà máy mới: 7 – 8 tỉ đồng.
- Mua máy móc thiết bị cho Nhà máy mới (7 chuyên): 56 tỉ đồng.
- Bổ sung vốn lưu động: Phần còn lại.

2. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI

Công ty nhận thấy việc huy động vốn để tài trợ cho việc xây dựng thêm Nhà máy mới, mua sắm thiết bị cho Nhà máy mới và bổ sung cho nguồn vốn lưu động là khả thi và phù hợp với định hướng của Công ty:

- Công ty có nhu cầu vốn để thực hiện kế hoạch kinh doanh trong năm 2016 và các năm sắp tới. Số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để xây dựng Nhà máy mới và mua sắm thiết bị mới giúp cho Công ty gia tăng sản lượng nhằm đáp ứng nhu cầu đang gia tăng trong lĩnh vực nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản.

Phương án đầu tư theo Phụ lục đính kèm.

- Một phần nguồn vốn huy động được bổ sung nguồn vốn lưu động để đáp ứng cho nhu cầu mở rộng mạng lưới phân phối và phục vụ cho hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty do quy mô kinh doanh đang gia tăng.
- Kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2016 được đánh giá là hợp lý và có khả năng thực thi trong môi trường kinh doanh hiện tại.
- Việc phát hành thêm cổ phần để huy động vốn sẽ giúp Công ty có thêm nguồn vốn để thực hiện mở rộng và phát triển kinh doanh, đồng thời giúp Công ty từng bước giảm bớt chi phí nợ vay và cải thiện các chỉ số tài chính.

PHẦN VII
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Công ty có nhu cầu về vốn để thực hiện kế hoạch kinh doanh trong năm 2015 và các năm sắp tới. Công ty sẽ sử dụng như sau:

- Số tiền huy động từ đợt chào bán cổ phần được dự kiến: 110,5 đến 135,1 tỉ đồng (đã trừ chi phí phát hành).
- Số tiền dự kiến huy động được sẽ được Công ty sử dụng theo kế hoạch như sau:

STT	Nội dung	Số tiền dự kiến (tỉ đồng)	Tiến độ sử dụng vốn
1	Xây dựng Nhà máy mới (3.000m ² X 2,67 triệu đồng/m ²), trong đó:	7 – 8	Quý II - III Năm 2016
	- Xin Giấy phép xây dựng	0,003	Quý II năm 2016
	- Nhà xưởng sản xuất	5,5	Quý II – III năm 2016
	- Nhà để xe	0,1	Quý III năm 2016
	- Nhà vệ sinh	0,06	Quý III năm 2016
	- Đường giao thông	0,2	Quý III năm 2016
	- Hạ tầng cấp, thoát nước	0,08	Quý III năm 2016
	- Trạm biến áp 230 KVA	0,35	Quý III năm 2016
	- Hệ thống điện hạ thế	0,35	Quý III năm 2016
	- Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động, phòng chống sét	0,6	Quý III năm 2016
	- Thuế VAT (10%)	0,73	Quý II năm 2016
2	Mua máy móc thiết bị cho Nhà máy mới (7 dây chuyền X 8 tỉ đồng/dây chuyền)	56	Quý II - III Năm 2016
	- Đặt hàng, tạm ứng	16,8	Quý I-II/2016
	- Nhận hàng, lắp đặt và thanh toán	39,2	Quý II – III/2016
3	Bổ sung vốn lưu động (phần chênh lệch với nhu cầu vốn lưu động cho nhà máy mới sẽ được Công ty tài trợ bằng nợ vay ngắn hạn)	46,5 – 71,1	Quý I - II Năm 2016
	Tổng cộng	110,5 – 135,1	

Trong trường hợp không huy động đủ 100% nguồn vốn theo kế hoạch dự kiến, tùy theo tình hình thực tế, Công ty sẽ cân nhắc thực hiện:

- Giảm phần vốn tài trợ cho nguồn vốn lưu động;
- Vay vốn trung, dài hạn tại các ngân hàng để tài trợ cho kế hoạch đầu tư và vay vốn ngắn hạn để tài trợ cho nguồn vốn lưu động.

PHẦN VIII
CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG

- Trụ sở chính: Tầng 4A-15+16 Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 44 555 888 Fax: (08) 38 271 030
- Website: www.maybank-kimeng.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AASC - CHI NHÁNH TP. HCM

(Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013)

- Địa chỉ: Số 17 Sông Thương, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 3848 5983 Fax: (08) 3547 1838
- Website: www.aasc.com.vn

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG tại TP. HCM

(Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014, 2015)

- Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38219266 Fax: (08) 38219267
- Website: www.kpmg.com.vn

3. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN

3.1. Về đợt chào bán:

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng đã tiến hành thu thập thông tin, phân tích một cách cẩn trọng để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

- Công ty Cổ phần Siam Brothers thực hiện chào bán cổ phiếu để huy động vốn cho việc đầu tư xây dựng Nhà máy mới, mua thiết bị mới và bổ sung nguồn vốn lưu động là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong các năm sắp tới.
- Khối lượng cổ phần chào bán trong đợt này là 4.200.000 cổ phiếu, tương đương 25,7% vốn điều lệ hiện hữu và chào bán toàn bộ cho nhà đầu tư là phù hợp với khả năng tăng trưởng, không làm pha loãng quá nhiều mức thu nhập trên cổ phần.
- Giá chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư là 33.000 đồng/cổ phiếu là phù hợp với tình hình của Công ty và tình hình của thị trường chứng khoán.

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng cho rằng đợt chào bán 4.200.000 cổ phiếu ra công chúng phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty Cổ phần Siam Brothers đã được ĐHCĐ thông qua. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin đã thu thập được mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

3.2. Đại lý phát hành:

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng sẽ làm đại lý phát hành cho đợt chào bán cổ phần này của Công ty Cổ phần Siam Brothers.

PHẦN IX CÁC PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2015/NQ.ĐHĐCĐ ngày 3/11/2015 thông qua phương án phát hành cổ phần, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành và niêm yết cổ phiếu. Phương án phát hành và phương án đầu tư đính kèm; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ.ĐHĐCĐ ngày 25/2/2016 về thông qua điều chỉnh giá chào bán cổ phần ra công chúng;
2. **Phụ lục II:** Điều lệ Công ty;
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán;
4. **Phụ lục IV:** Giấy đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư;
5. **Phụ lục V:** Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị liên quan đến các đợt tăng vốn điều lệ trước đây;
6. **Phụ lục VI:** Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán, giá chào bán cổ phần;
7. **Phụ lục VII:** Tài liệu liên quan khác.

PHẦN IX: CHỮ KÝ CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 6 năm 2016

**TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VEERAPONG SAWATYANON

TỔNG GIÁM ĐỐC



FAN WENG KEE

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ NGỌC THU

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG**

TỔNG GIÁM ĐỐC

KIM THIÊN QUANG

